

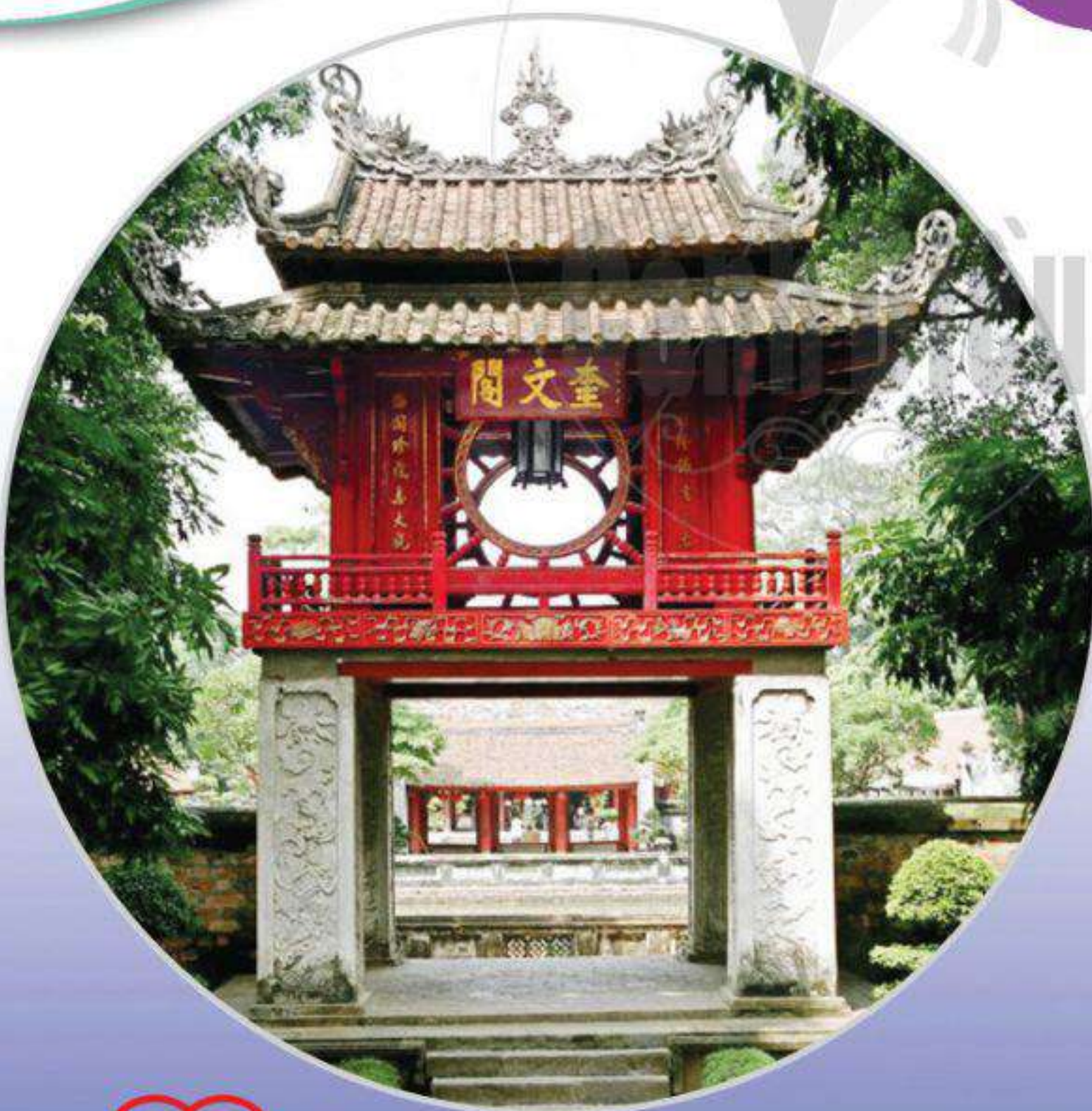


ĐỖ THANH BÌNH (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN VĂN NINH (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ THẾ BÌNH – NGUYỄN THU HIỀN
TỔNG THỊ QUỲNH HƯƠNG – NGUYỄN MẠNH HƯỜNG

Bài tập

Lịch sử?

10



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ THANH BÌNH (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN VĂN NINH (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ THÊ BÌNH – NGUYỄN THU HIỀN
TÔNG THỊ QUỲNH HƯƠNG – NGUYỄN MẠNH HƯỜNG

Bài tập

Lịch sử

10

Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



Lời nói đầu

Quý thầy cô và các em học sinh thân mến!

Sách giáo khoa *Lịch sử 10* thuộc bộ sách *Cánh Diều* đã giúp các em có những hiểu biết về một số chủ đề lịch sử như: Lịch sử và Sử học, Vai trò của Sử học, Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ – trung đại, Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới,... đồng thời góp phần hình thành những phẩm chất và năng lực cần thiết. Để hỗ trợ cho sách giáo khoa *Lịch sử 10*, các tác giả đã biên soạn cuốn *Bài tập Lịch sử 10* để cung cấp cho các em học sinh hệ thống câu hỏi, bài tập nhằm củng cố kiến thức trọng tâm của mỗi bài học.

Cuốn sách có hai phần:

Phần I: Câu hỏi và bài tập.

Phần II: Đáp án và gợi ý trả lời.

Các câu hỏi và bài tập được biên soạn theo từng bài trong từng chủ đề của sách giáo khoa. Hình thức câu hỏi và bài tập gồm trắc nghiệm (khoanh tròn, điền khuyết, ghép nối,...) và tự luận. Các câu hỏi và bài tập này không chỉ giúp học sinh nâng cao kiến thức trong sách giáo khoa mà còn giúp các em làm quen với các dạng câu hỏi, bài tập, các hình thức kiểm tra, đánh giá ở lớp 10 cũng như ở các lớp tiếp sau. Giáo viên có thể sử dụng hệ thống câu hỏi và bài tập trong cuốn sách này vào việc tổ chức các hoạt động học tập, luyện tập, vận dụng hoặc kiểm tra, đánh giá việc học tập của học sinh.

Tập thể tác giả trân trọng cảm ơn quý thầy cô và các em học sinh đã đón nhận và sử dụng cuốn sách *Bài tập Lịch sử 10* thuộc bộ sách *Cánh Diều*. Hi vọng cuốn sách sẽ là tài liệu hữu ích, gắn bó với thầy cô cùng các em trong quá trình dạy và học.

CÁC TÁC GIẢ

Phần I: **CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP**

Chủ đề 1. **LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC**

Bài 1. **HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ**

- Câu 1.** Khái niệm lịch sử **không** bao hàm nội dung nào sau đây?
- A. Là những gì đã diễn ra trong quá khứ của xã hội loài người.
 - B. Là những câu chuyện về quá khứ hoặc tác phẩm ghi chép về quá khứ.
 - C. Là sự tưởng tượng của con người liên quan đến sự việc sắp diễn ra.
 - D. Là một khoa học nghiên cứu về quá khứ của con người.
- Câu 2.** Toàn bộ những gì đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại một cách khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người được gọi là
- A. hiện thực lịch sử.
 - B. nhận thức lịch sử.
 - C. sự kiện tương lai.
 - D. khoa học lịch sử.
- Câu 3.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng và đầy đủ về đối tượng nghiên cứu của Sử học?
- A. Những hoạt động của con người trên lĩnh vực chính trị và quân sự.
 - B. Toàn bộ những hoạt động của con người trong quá khứ, diễn ra trên mọi lĩnh vực.
 - C. Toàn bộ những hoạt động của con người đã diễn ra từ thời kì cổ đại đến thời kì cận đại.
 - D. Những hoạt động của con người từ khi xuất hiện chữ viết đến nay.
- Câu 4.** Một trong những chức năng cơ bản của Sử học là
- A. khôi phục hiện thực lịch sử thông qua miêu tả và tưởng tượng.
 - B. tái tạo biến cố lịch sử thông qua thí nghiệm.
 - C. khôi phục hiện thực lịch sử một cách chính xác, khách quan.
 - D. cung cấp tri thức cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên.
- Câu 5.** Ý nào sau đây là một trong những nhiệm vụ cơ bản của Sử học?
- A. Ghi chép, miêu tả đời sống.
 - B. Dự báo tương lai.
 - C. Tổng kết bài học từ quá khứ.
 - D. Giáo dục, nêu gương.
- Câu 6.** Những nguyên tắc cơ bản cần đặt lên hàng đầu của Sử học là gì?
- A. Chính xác, kịp thời, nhân văn.
 - B. Khách quan, trung thực, tiến bộ.

- C. Trung thực, công bằng, tiến bộ.
D. Công bằng, trung thực, khách quan.

Câu 7. Căn cứ vào dạng thức tồn tại, sử liệu được chia thành những loại hình cơ bản nào?

- A. Lời nói – truyền khẩu, hiện vật, hình ảnh, thành văn.
B. Lời nói, vật chất, tinh thần, văn tự.
C. Truyền khẩu, chữ viết, công cụ.
D. Lời nói – truyền khẩu, tranh ảnh, chữ viết, tài sản.

Câu 8. Nối khái niệm ở cột A với nội dung giải thích ở cột B sao cho phù hợp.

A	B
1. Sử liệu thứ cấp	A. Được tạo ra đầu tiên, gần nhất hoặc gắn liền với thời gian xuất hiện của các sự kiện, hiện tượng được nghiên cứu.
2. Phương pháp lô-gíc	B. Tìm hiểu, khôi phục, mô tả các sự kiện, hiện tượng (về quá trình ra đời, phát triển và suy vong), gắn với bối cảnh lịch sử cụ thể.
3. Sử liệu sơ cấp	C. Được tạo ra sau thời điểm xuất hiện của sự vật, hiện tượng được nghiên cứu.
4. Phương pháp lịch sử	D. Tìm hiểu lịch sử trong hình thức tổng quát để tìm ra các đặc điểm chung, bản chất, quy luật, mối quan hệ nhân – quả của lịch sử.

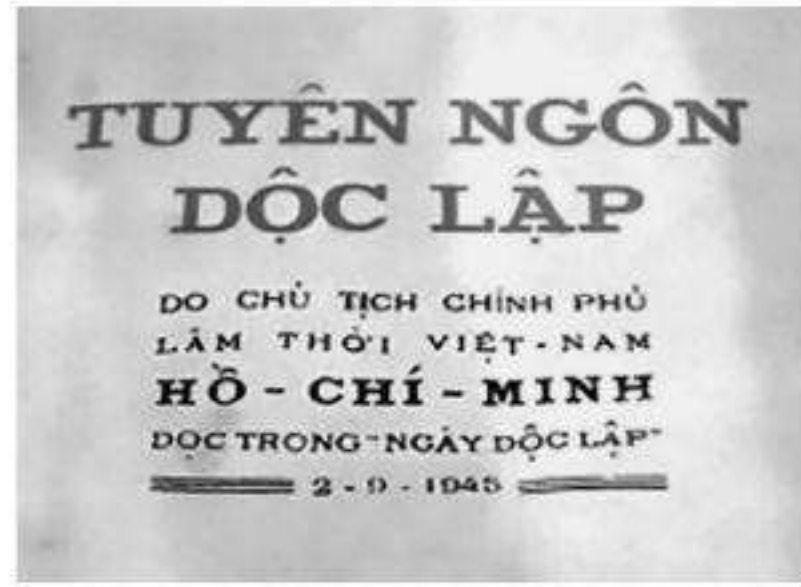
Câu 9. Chọn từ cho sẵn dưới đây đặt vào chỗ chấm (...) để hoàn thành các câu sao cho đúng: A. *nguồn sử liệu*, B. *tính toàn diện*, C. *khách quan*, D. *lịch đại*, E. *chủ quan*.

- Hiện thực lịch sử có trước, nhận thức lịch sử có sau. Hiện thực lịch sử luôn ... (1), còn nhận thức lịch sử vừa khách quan vừa ... (2).
- Thông tin về hoạt động của con người trong quá khứ được lưu giữ ở nhiều dạng khác nhau, gọi là ... (3).
- Việc trình bày lịch sử theo thời gian trước – sau giúp người đọc thấy được tiến trình phát triển của lịch sử, gọi là phương pháp trình bày theo ... (4).
- Đối tượng nghiên cứu của Sử học rất đa dạng và mang ... (5), gồm toàn bộ những hoạt động của con người trong quá khứ.

Câu 10. Phân biệt các loại hình sử liệu qua các hình từ 1.1 đến 1.3.



Hình 1.1. Nhật Bản kí văn kiện đầu hàng lực lượng Đồng minh (2-9-1945)

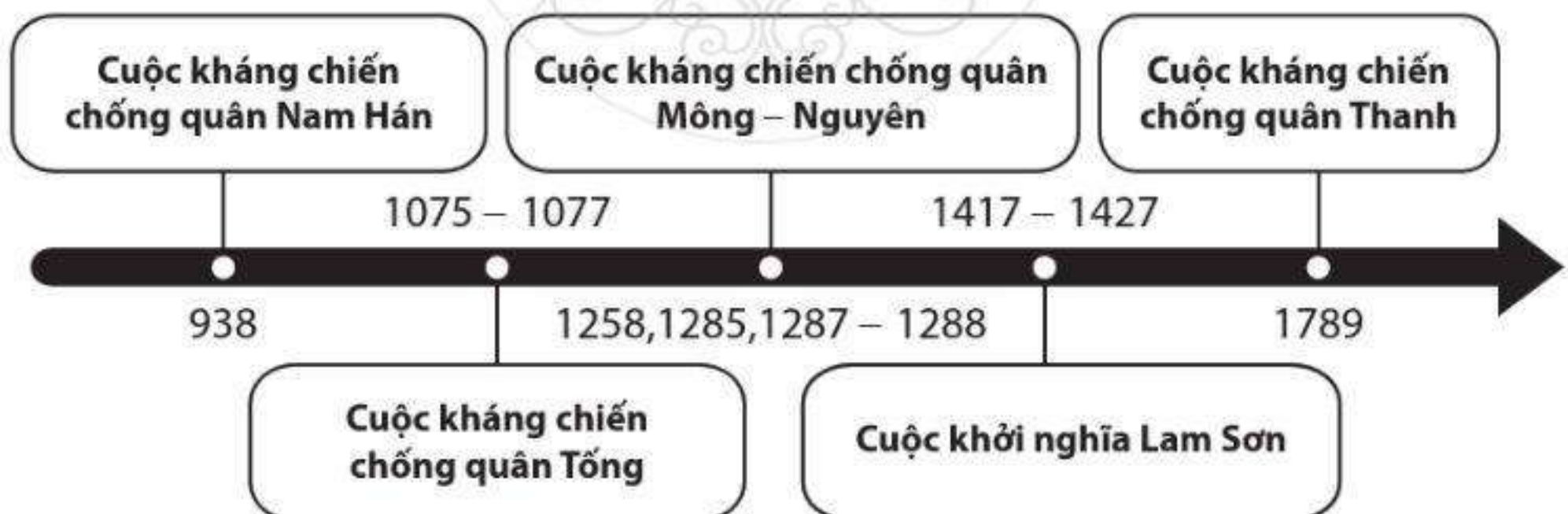


Hình 1.2. Trang bìa bản *Tuyên ngôn Độc lập* (Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội)



Hình 1.3. Xe tăng mang số hiệu 390 tiến vào Dinh Độc lập ngày 30-4-1975 (Bảo tàng Lực lượng Tăng – Thiết giáp, Hà Nội)

Câu 11. Sơ đồ 1 thể hiện phương pháp trình bày nào của Sử học? Hãy giới thiệu về phương pháp đó.



Sơ đồ 1. Một số sự kiện tiêu biểu của lịch sử Việt Nam (thế kỉ X – XVIII)

Câu 12. Em hãy lí giải vì sao khi nghiên cứu và trình bày lịch sử, nhà sử học cần ưu tiên sử dụng nguồn sử liệu sơ cấp thay vì sử dụng nguồn sử liệu thứ cấp?

Bài 2. TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

Câu 1. Những hiểu biết của con người về các lĩnh vực liên quan đến lịch sử, thông qua quá trình học tập, khám phá, nghiên cứu và trải nghiệm được gọi là

- A. tri thức lịch sử.
- C. hiện thực lịch sử.
- C. tiến trình lịch sử.
- D. phương pháp lịch sử.

Câu 2. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với cuộc sống?

- A. Nhận thức sâu sắc về cội nguồn, về bản sắc của cá nhân và cộng đồng.
- B. đúc kết và vận dụng thành công bài học kinh nghiệm trong cuộc sống.
- C. đúc kết bài học kinh nghiệm, tránh lặp lại những sai lầm từ quá khứ.
- D. Từ đúc kết bài học kinh nghiệm của quá khứ sẽ dự báo chính xác tương lai.

Câu 3. Cần học tập lịch sử suốt đời vì tri thức lịch sử

- A. liên quan và ảnh hưởng quyết định đến tất cả mọi sự vật, hiện tượng.
- B. chưa hoàn toàn chính xác, cần sửa đổi và bổ sung thường xuyên.
- C. rất rộng lớn và đa dạng, lại biến đổi và phát triển không ngừng.
- D. giúp cá nhân hội nhập nhanh chóng vào cuộc sống hiện đại.

Câu 4. Thu thập sử liệu được hiểu là

- A. quá trình tập hợp, tìm kiếm tài liệu tham khảo về đối tượng nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử.
- B. quá trình khảo sát, tìm kiếm, sưu tầm và tập hợp những thông tin liên quan đến đối tượng học tập, nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử.
- C. một khâu của quá trình thẩm định sử liệu.
- D. công đoạn cuối cùng của nghiên cứu lịch sử.

Câu 5. Phân loại, đánh giá, thẩm định nguồn sử liệu đã thu thập được là quá trình của việc

- A. phân loại các nguồn sử liệu.
- B. lập thư mục các nguồn sử liệu.
- C. sưu tầm đọc và ghi chép thông tin sử liệu.
- D. xử lý thông tin và sử liệu.

Câu 6. Để làm giàu tri thức lịch sử, việc thu thập, xử lý thông tin và sử liệu cần tiến hành theo quy trình nào sau đây?

- A. Lập thư mục → Sưu tầm sử liệu → Chọn lọc, phân loại sử liệu → Xác minh, đánh giá sử liệu.
- B. Xác minh, đánh giá sử liệu → Lập thư mục → Chọn lọc, phân loại sử liệu → Sưu tầm sử liệu.

- C. Chọn lọc, phân loại sử liệu → Sưu tầm sử liệu → Xác minh, đánh giá sử liệu → Lập thư mục.
- D. Sưu tầm sử liệu → Chọn lọc, phân loại sử liệu → Xác minh, đánh giá sử liệu → Lập thư mục.

Câu 7. Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống chính là

- A. sử dụng tri thức lịch sử để điều chỉnh hiện tại, định hướng tương lai.
- B. sử dụng tri thức lịch sử để giải thích và hiểu rõ hơn những vấn đề của cuộc sống hiện tại.
- C. tái hiện lịch sử trong cuộc sống hiện tại thông qua các hình thức như triển lãm, bảo tàng,...
- D. áp dụng tri thức, kinh nghiệm lịch sử để giải quyết mọi vấn đề của cuộc sống.

Câu 8. Nối nhân vật ở cột A với câu nói/ viết ở cột B sao cho đúng.

A	B
1. Hồ Chí Minh	A. "Cách hữu hiệu nhất để huỷ diệt một dân tộc là phủ nhận và xoá bỏ sự hiểu biết của họ về lịch sử của chính họ".
2. Xi-xê-rô	B. "Sử ta dạy cho ta bài học này: lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn".
3. Lo Ác-tơn	C. "... Một dân tộc mà không có kiến thức về lịch sử, nguồn gốc và văn hoá về dân tộc mình thì cũng giống như cây không có gốc".
4. Mác-côt Ga-vây	D. "Lịch sử là bằng chứng của thời đại, là ngọn lửa của chân lí, là sinh mệnh của kí ức, là thầy dạy của cuộc sống và là sứ giả của cổ nhân".
5. Gioóc-giơ Ô-oen	E. "Lịch sử không phải là gánh nặng cho kí ức mà là sự soi sáng của tâm hồn".

Câu 9. Chọn từ cho sẵn dưới đây đặt vào chỗ chấm (...) trong đoạn thông tin sau, thể hiện ý nghĩa của tri thức lịch sử: A. bản sắc, B. lịch sử, C. cá nhân, D. cội nguồn, E. cộng đồng, G. văn hoá.

Tri thức lịch sử cũng có ý nghĩa quan trọng, giúp con người nhận thức sâu sắc về ... (1), về ... (2) của ... (3) và ... (4) trong mọi thời đại. Hiểu biết về cội nguồn, bản sắc là cơ sở để con người hiểu về chính mình và thế giới. Đây là nền tảng để tồn tại, giữ gìn và phát huy các giá trị ... (5), ... (6) cộng đồng và chung sống trong một thế giới đa dạng.

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Sử ta dạy cho ta bài học này: lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”.

(*Nên học sử ta*, Hồ Chí Minh)

Từ những thông tin trong đoạn tư liệu trên, kết hợp với kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân về lịch sử Việt Nam, hãy viết một đoạn văn ngắn chứng minh tính đúng đắn của luận điểm đó.

Chủ đề 2. **VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC**

Bài 3. **SỬ HỌC VỚI CÁC LĨNH VỰC KHOA HỌC KHÁC**

Câu 1. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng thực tiễn: Sử học là một môn khoa học mang tính liên ngành?

- A. Có sự kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu và khai thác tri thức của nhiều ngành khoa học.
- B. Cung cấp tri thức cho nhiều ngành khoa học khác nhau.
- C. Trực tiếp tham gia vào quá trình nghiên cứu của các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.
- D. Có mối liên hệ với các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ.

Câu 2. Sử học có mối liên hệ đặc biệt gần gũi với các ngành khoa học xã hội và nhân văn nào sau đây?

- A. Tâm lý học, Ngôn ngữ học, Nhân học, Khoa học chính trị.
- B. Triết học, Địa lý nhân văn, Văn hoá học, Công tác xã hội.
- C. Chính trị học, Tâm lý học, Ngôn ngữ học, Xã hội học.
- D. Khảo cổ học, Nhân học, Văn học, Địa lý nhân văn, Triết học.

Câu 3. Tri thức về lĩnh vực nào sau đây đóng vai trò là một trong những nguồn tri thức nền tảng đối với ngành khoa học xã hội và nhân văn?

- A. Sinh học.
- B. Lịch sử.
- C. Toán học.
- D. Công nghệ.

Câu 4. Những thông tin của các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ (sự ra đời, tiến trình phát triển, đặc điểm của ngành,...) có thể hỗ trợ Sử học thực hiện được nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Ghi chép sự đóng góp của từng ngành cho sự phát triển kinh tế.
- B. Cung cấp thông tin hoạt động cho ngành Sử học và Dân tộc học.
- C. Khôi phục, mô tả lịch sử hình thành và phát triển của từng ngành.
- D. Tạo nên sự chuyển biến cho từng ngành để cùng hội nhập quốc tế.

Câu 5. Để khôi phục lại lịch sử các trận đánh trên sông Bạch Đằng (các năm 938, 981 và 1288), các nhà sử học có thể sử dụng kết quả nghiên cứu của những lĩnh vực cơ bản nào sau đây?

- A. Khảo cổ học, Văn học, Địa lí nhân văn.
- B. Nhân học, Sinh học, Địa lí nhân văn.
- C. Văn học, Tâm lí học, Nhân học.
- D. Khảo cổ học, Sinh học, Hoá học.

Câu 6. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng vai trò của Sử học đối với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ?

- A. Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của các ngành.
- B. Cung cấp tri thức và những hiểu biết sâu rộng hơn về lịch sử văn minh.
- C. Giúp những người làm khoa học tự nhiên và công nghệ điều chỉnh hoạt động hiệu quả hơn, tiến bộ hơn.
- D. Đặt cơ sở cho việc hình thành và phát triển của ngành khoa học.

Câu 7. Lĩnh vực nào sau đây hỗ trợ hiệu quả cho Sử học trong việc tìm kiếm dấu vết của những nền văn minh cổ xưa thông qua quan sát từ không gian?

- A. Thực tại ảo.
- B. Công nghệ viễn thám.
- C. Sinh học.
- D. Trí tuệ nhân tạo.

Câu 8. Chọn từ cho sẵn dưới đây đặt vào chỗ chấm (...) trong đoạn thông tin sau, thể hiện vai trò của các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ đối với sử học:

- A. tái hiện, B. tri thức, C. dữ liệu, D. Vật lí học, E. sử liệu.

Các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ có vai trò quan trọng đối với Sử học trong quá trình sưu tầm, tìm kiếm ... (1), nghiên cứu, tìm hiểu, ... (2) quá khứ. Các lĩnh vực như ... (3), Hoá học, Sinh học, Địa lí tự nhiên, Thiên văn học, Toán học, Tin học,... cung cấp ... (4) rộng lớn và đa dạng cho các nhà sử học. Đó là hệ thống ... (5) chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu, khái niệm,...

Câu 9. Vì sao đối với lịch sử của một số lĩnh vực như: kinh tế, nghệ thuật, tôn giáo,... các nhà sử học lại cần có một nền tảng kiến thức vững chắc về lĩnh vực đó trước khi nghiên cứu chuyên sâu?

Câu 10. Nêu ví dụ cụ thể về sự hỗ trợ của các lĩnh vực công nghệ viễn thám, thực tại ảo tăng cường, giải trình tự gen đối với Sử học.

Câu 11. Nối ý ở cột A với ý ở cột B về mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học khác sao cho phù hợp.

A	B
1. Sử học có vai trò	A. cung cấp thông tin, tư liệu để các nhà sử học nghiên cứu, phục dựng và miêu tả bức tranh toàn cảnh về quá khứ.
2. Các ngành khoa học	B. phục dựng lại sự hình thành và quá trình phát triển của các ngành khoa học nói chung.
3. Các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ	C. có mối liên hệ gắn bó mật thiết, gắn kết thường xuyên với Sử học.
4. Các ngành Khảo cổ học, Nhân học, Văn học, Địa lí học, Triết học, Tôn giáo, Dân tộc học,...	D. có mối quan hệ tương hỗ với Sử học: cung cấp cơ sở dữ liệu của ngành để các nhà sử học làm rõ về lịch sử hình thành và phát triển.

Câu 12. Quan sát hình 3 và cho biết: để nghiên cứu về Hoàng thành Thăng Long qua Khu di tích Khảo cổ học số 18 Hoàng Diệu (Hà Nội), cần có sự tham gia của chuyên gia từ các lĩnh vực nào?



Hình 3. Khu di tích Khảo cổ học số 18 Hoàng Diệu (Hà Nội)

Câu 13. Ngày nay, công nghệ thông tin có thể hỗ trợ học sinh trong học tập lịch sử như thế nào?

Bài 4. SỬ HỌC VỚI MỘT SỐ LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ HIỆN ĐẠI

Câu 1. Các loại hình di sản văn hoá đóng vai trò như thế nào đối với việc nghiên cứu lịch sử?

- A. Là yếu tố có thể kiểm tra tính xác thực của thông tin.
- B. Là tài liệu tham khảo quan trọng, không thể thay thế.
- C. Là nguồn sử liệu thành văn đáng tin cậy.
- D. Là nguồn sử liệu quan trọng đặc biệt.

Câu 2. Việc Sử học cung cấp những thông tin có giá trị và tin cậy liên quan đến di sản văn hoá, di sản thiên nhiên có vai trò gì?

- A. Là cơ sở cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản.
- B. Định hướng cho việc xây dựng lại di sản.
- C. Là nền tảng quyết định cho việc quản lí di sản ở các cấp.
- D. Là cơ sở cho việc đào tạo hướng dẫn viên.

Câu 3. Giá trị lịch sử của di sản được giữ gìn thông qua việc

- A. kiểm kê định kì.
- B. bảo tồn.
- C. xây dựng, khai thác.
- D. trùng tu, làm mới.

Câu 4. Sử học đóng vai trò gì đối với ngành Công nghiệp văn hoá?

- A. Cung cấp kiến thức chuyên ngành, quản lí và khai thác hoạt động, định hướng chiến lược phát triển của ngành.
- B. Là lĩnh vực trọng tâm, phục vụ công tác quản lí; quyết định chiến lược phát triển của ngành.
- C. Cung cấp những tri thức liên quan đến ngành; hình thành ý tưởng và nguồn cảm hứng; nghiên cứu, đề xuất chiến lược phát triển bền vững.
- D. Là lĩnh vực định hướng hoạt động, có ảnh hưởng quyết định đối với sự phát triển của ngành.

Câu 5. Trong việc phát triển du lịch, yếu tố nào sau đây có vai trò đặc biệt quan trọng?

- A. Kết quả hoạt động trong quá khứ của ngành du lịch.
- B. Hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp.
- C. Những giá trị về lịch sử, văn hoá truyền thống.
- D. Sự đổi mới, xây dựng lại các công trình di sản.

Câu 6. Sự phát triển của du lịch sẽ góp phần

- A. định hướng sự phát triển của Sử học trong tương lai.
- B. xác định chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử.
- C. cung cấp bài học kinh nghiệm cho các nhà sử học.
- D. quảng bá lịch sử, văn hoá cộng đồng ra bên ngoài.

Câu 7. Các địa danh: Phố cổ Hà Nội, Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Cố đô Huế, Phố cổ Hội An (Quảng Nam), Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh),... có điểm chung gì?

- A. Có sức hấp dẫn của các yếu tố về lịch sử, văn hoá, cảnh quan.
- B. Có dân số đông, thuận lợi cho hoạt động kinh tế và du lịch.
- C. Có cảnh quan hiện đại, đặc sắc.
- D. Có nhiều địa điểm giải trí.

Câu 8. Chọn từ cho sẵn dưới đây đặt vào chỗ chấm (...) để hoàn thành đoạn thông tin sau: A. *địa danh*, B. *tôn giáo*, C. *ẩm thực*, D. *sản phẩm du lịch*, E. *lịch sử*.
Yếu tố hàng đầu của ...(1) chính là “sức hấp dẫn của ...(2)”, bao gồm các yếu tố về ...(3), văn hoá truyền thống, ...(4), tín ngưỡng, ...(5), giải trí, sản phẩm thủ công mỹ nghệ,...

Câu 9. Hãy giải thích vì sao sự phát triển của du lịch sẽ góp phần quảng bá lịch sử, văn hoá cộng đồng ra bên ngoài?

Câu 10. Nếu được lựa chọn một nhân vật hoặc sự kiện trong lịch sử Việt Nam để làm chủ đề của phim điện ảnh, em sẽ lựa chọn nhân vật hoặc sự kiện nào? Hãy lí giải về sự lựa chọn đó.

Câu 11. Quan sát hình 4 và cho biết:

- Đây là công trình nào? Ở đâu?
- Tìm kiếm thông tin để giới thiệu về công trình theo các gợi ý sau: thời gian xây dựng, quy mô, cấu trúc, chức năng, giá trị,...



Hình 4

Chủ đề 3. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ – TRUNG ĐẠI

Bài 5. KHÁI NIỆM VĂN MINH

Câu 1. Ý nào sau đây phản ánh đúng khái niệm văn minh?

- A. Văn minh là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử.
- B. Văn minh là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần gắn liền với lịch sử loài người.
- C. Văn minh là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra từ khi con người xuất hiện trên Trái Đất.
- D. Văn minh là trạng thái tiên bộ cả về giá trị vật chất và tinh thần của xã hội loài người.

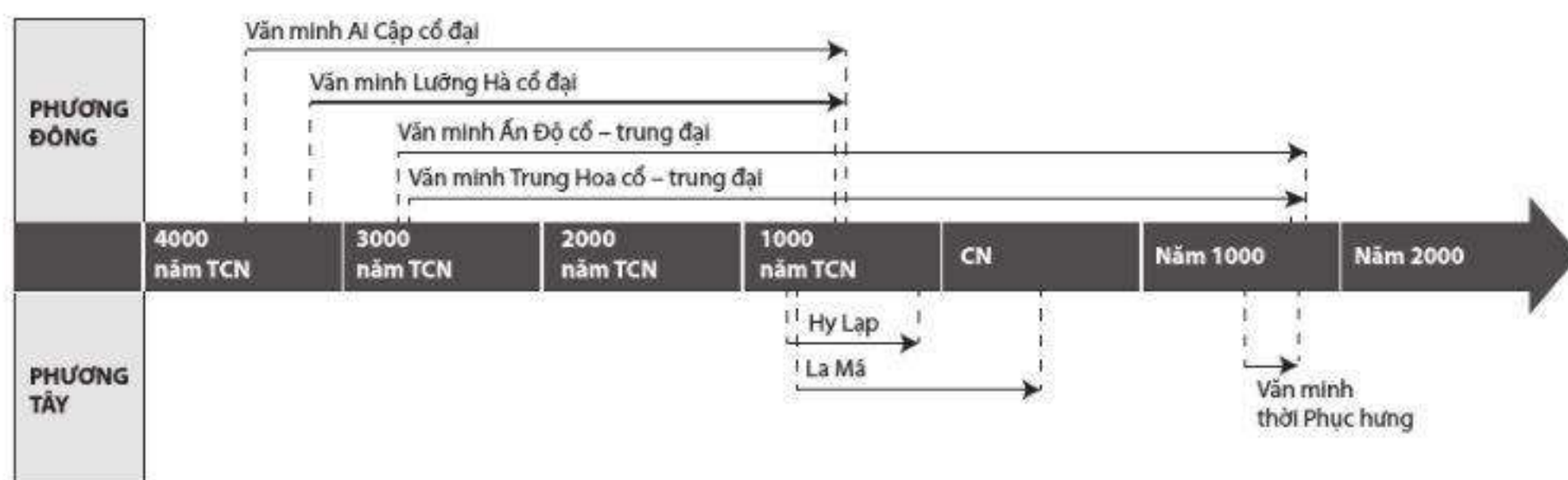
Câu 2. Những yếu tố cơ bản nào có thể giúp xác định một nền văn hoá bước sang thời kì văn minh?

- A. Có chữ viết, nhà nước ra đời.
- B. Có con người xuất hiện.
- C. Có công cụ lao động bằng sắt xuất hiện.
- D. Xây dựng các công trình kiến trúc.

Câu 3. Văn hoá và văn minh đều là những giá trị

- A. vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra kể từ khi có chữ viết và nhà nước.
- B. vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong tiến trình lịch sử.
- C. vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong giai đoạn phát triển thấp của xã hội.
- D. giá trị tinh thần do con người sáng tạo ra từ khi con người xuất hiện đến nay.

Quan sát sơ đồ 5 và trả lời các câu hỏi 4, 5, 6.



Sơ đồ 5. Tiến trình phát triển lịch sử văn minh thế giới thời kì cổ – trung đại

- Câu 4.** Những nền văn minh nào sau đây phát triển liên tục từ thời kì cổ đại đến thời kì trung đại?
- A. Văn minh Ai Cập và văn minh thời Phục hưng.
 - B. Văn minh Hy Lạp và văn minh La Mã.
 - C. Văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa.
 - D. Văn minh Ai Cập và văn minh Ấn Độ.
- Câu 5.** Điểm chung của văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa là gì?
- A. Đều phát triển ở thời kì cổ đại và trung đại.
 - B. Chỉ phát triển ở thời kì cổ đại.
 - C. Chỉ phát triển ở thời kì trung đại.
 - D. Đều hình thành vào thế kỉ I TCN
- Câu 6.** Những nền văn minh nào sau đây phát triển ở thời kì trung đại?
- A. Văn minh Ấn Độ, văn minh Trung Hoa và văn minh thời Phục hưng.
 - B. Văn minh Hy Lạp, văn minh La Mã và văn minh thời Phục hưng.
 - C. Văn minh Ấn Độ, văn minh Trung Hoa, văn minh Hy Lạp và văn minh La Mã.
 - D. Văn minh Ai Cập, văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa.
- Câu 7.** Theo em, thế hệ trẻ cần làm gì để góp phần bảo tồn và phát huy những thành tựu của văn minh thế giới?

Bài 6. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG

- Câu 1.** Về cơ sở hình thành của văn minh Ai Cập, Hê-rô-đốt từng viết
- A. “Sông Nin là bầu sữa mẹ của văn minh Ai Cập”.
 - B. “Ai Cập là tặng phẩm của sông Nin”.
 - C. “Không có sông Nin thì không có Ai Cập”.
 - D. “Văn minh Ai Cập là quà tặng của sông Nin”.
- Câu 2.** Các con sông lớn là cơ sở hình thành những nền văn minh phương Đông thời kì cổ – trung đại vì
- A. đã tạo nên những đồng bằng rộng lớn, bồi đắp phù sa màu mỡ.
 - B. khí hậu tại các khu vực này thuận lợi cho canh tác nông nghiệp.
 - C. nền kinh tế thủ công nghiệp, thương nghiệp đóng vai trò chủ đạo.
 - D. có các hải cảng, nước sâu và kín gió.
- Câu 3.** Xã hội phân chia thành các đẳng cấp là cơ sở hình thành của nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ – trung đại vì
- A. sự phân chia đẳng cấp tạo điều kiện thiết lập chế độ dân chủ.

- B. các đẳng cấp trên có tiềm lực kinh tế, chính trị trên cơ sở bóc lột các đẳng cấp dưới.
- C. các đẳng cấp dưới không có điều kiện tham gia vào bộ máy nhà nước.
- D. tạo điều kiện đẳng cấp trên có cuộc sống xa hoa.

Câu 4. Xã hội Trung Hoa thời trung đại gồm những giai cấp cơ bản nào sau đây?

- A. Chủ nô và nô lệ.
- B. Quý tộc và nông dân.
- C. Địa chủ phong kiến và nông dân.
- D. Quý tộc phong kiến và nô lệ.

Câu 5. Sự khác biệt trong cơ sở hình thành của nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ – trung đại so với văn minh Trung Hoa thời kì cổ – trung đại là

- A. mô hình nhà nước theo chế độ quân chủ chuyên chế.
- B. xã hội phân chia thành các đẳng cấp khắt khe.
- C. được hình thành bên lưu vực các dòng sông lớn.
- D. kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo.

Câu 6. Chế độ quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền là cơ sở hình thành và phát triển của nền văn minh Trung Hoa thời kì cổ – trung đại vì

- A. phù hợp với điều kiện tự nhiên.
- B. tạo điều kiện thiết lập chế độ phân chia đẳng cấp.
- C. nhà vua có quyền lực tối cao, tạo cơ sở cho sáng tạo những thành tựu văn minh.
- D. tạo điều kiện cho giai cấp nông dân sản xuất nông nghiệp.

Câu 7. Một trong những ý nghĩa của chữ viết Ai Cập thời kì cổ đại là

- A. phản ánh trình độ tư duy cao của cư dân Ai Cập.
- B. cơ sở của chữ tượng hình sau này.
- C. cơ sở để cư dân Ai Cập giỏi về hình học.
- D. biểu hiện cao của tính chuyên chế.

Câu 8. Thành tựu về lĩnh vực nào sau đây của văn minh Ai Cập thời kì cổ đại đã được ứng dụng hiệu quả trong việc xây dựng kim tự tháp?

- A. Tôn giáo, tín ngưỡng.
- B. Toán học.
- C. Kỹ thuật ướp xác.
- D. Chữ viết.

Câu 9. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của Nho giáo?

- A. Là một đóng góp lớn của nhân dân Trung Hoa đối với văn minh phương Tây.
- B. Là cơ sở lí luận và tư tưởng của chế độ quân chủ ở Trung Hoa.
- C. Thể hiện trình độ tư duy cao, lưu giữ thông tin lớn.
- D. Cơ sở cho sự phát triển của khoa học kĩ thuật hiện đại.

Câu 10. Phát minh về kĩ thuật nào sau đây của người Trung Hoa có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngành hàng hải?

- A. La bàn.
- B. Thuốc súng.
- C. Kỹ thuật in.
- D. Làm giấy.

Câu 11. Lĩnh vực nào sau đây của nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ – trung đại có ảnh hưởng lớn đến Việt Nam?

- A. Y học. B. Văn học.
C. Kiến trúc, điêu khắc. D. Sử học.

Câu 12. Một trong những ý nghĩa của các công trình kiến trúc và điêu khắc của nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ – trung đại là

- A. thể hiện ảnh hưởng của tôn giáo tới nghệ thuật.
B. có ảnh hưởng lớn đến văn minh thời Phục hưng.
C. phản ánh Hin-đu giáo là tư tưởng chính thống của Ấn Độ.
D. phản ánh tư tưởng độc tôn của Phật giáo.

Câu 13. Hãy ghép nền văn minh ở cột A với các thành tựu ở cột B sao cho phù hợp.

A	B
1. Văn minh Ai Cập thời kì cổ đại	A. Vạn Lí Trường Thành.
	B. Lăng mộ Ta-giơ Ma-han.
	C. Kim tự tháp.
2. Văn minh Trung Hoa thời kì cổ – trung đại	D. Phát minh ra chữ số 0.
	E. Kinh Vệ-đa.
	G. Sử ký.
	H. Chữ Phạn.
3. Văn minh Ấn Độ thời kì cổ – trung đại	I. Kỹ thuật ướp xác.

Câu 14. Hãy chọn từ cho sẵn đặt vào chỗ chấm (...) trong đoạn tư liệu dưới đây sao cho phù hợp với thành tựu nghệ thuật tiêu biểu của nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ – trung đại: A. *đá cẩm thạch trắng*. B. *kiến trúc sư*. C. *I-ta-li-a*. D. *Ta-giơ Ma-han*.

“Công trình tiêu biểu nhất của thời Mô-gôn là lăng ...(1), được xây dựng vào thế kỉ XVII. Lăng là kết tinh tài nghệ của các ...(2) và thợ thủ công nhiều nước:

Ấn Độ, I-ran, Thổ Nhĩ Kỳ, ...(3),... Toàn bộ lăng xây bằng ...(4). Chính diện, gác chuông, tháp, sân đều bố trí rất hài hoà, bên trong, bên ngoài đều chạm trổ. Nhìn từ xa, tất cả cảnh vật của lăng in lung linh trên mặt nước hồ xanh biếc, trông lại càng kì diệu”.

(Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn minh thế giới*,
Nxb Giáo dục, 1999, tr.81)

Câu 15. Hãy ghép các thành tựu của nền văn minh phương Đông thời kì cổ – trung đại ở cột A với ý nghĩa của các thành tựu văn minh ở cột B sao cho phù hợp.

A	B
1. Kim tự tháp	A. có ảnh hưởng lớn đến văn học khu vực châu Á.
2. Hin-đú giáo	B. ảnh hưởng lớn đến tôn giáo khu vực Đông Nam Á.
3. Kỹ thuật in và làm giấy	C. là biểu hiện cao của tinh chuyên chế, quan niệm tôn giáo.
4. Kinh Thi, thơ Đường	D. có vai trò lớn trong lĩnh vực văn học, phổ biến tri thức và phát triển văn hoá.
5. Phát minh ra chữ số 0	E. có ảnh hưởng lớn đến kỹ thuật quân sự.
6. Thuốc súng	G. giúp cho việc tính toán trở nên đơn giản, ngắn gọn.

Câu 16. Hãy tìm hiểu và giới thiệu về một trong ba công trình kiến trúc dưới đây theo các gợi ý: địa điểm (thành phố/ quốc gia), thời gian xây dựng, mục đích xây dựng, giá trị hiện nay, thông điệp (bảo tồn, phát huy giá trị),...



Hình 5.1. Quần thể Kim tự tháp Gi-za



Hình 5.2. Vạn Lý Trường Thành



Hình 5.3. Lăng Ta-giơ Ma-han

Bài 7. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY

- Câu 1.** Hải cảng nước sâu và kín gió là một trong những cơ sở hình thành và phát triển của nền văn minh Hy Lạp, La Mã thời kì cổ đại vì tạo điều kiện
- A. cho giai cấp chủ nô thiết lập chế độ trung ương tập quyền.
 - B. xây dựng những thành phố đông dân cư.
 - C. trồng các loại cây nông nghiệp lâu năm.
 - D. phát triển kinh tế thủ công nghiệp, thương nghiệp và hàng hải.
- Câu 2.** Các nền văn minh Hy Lạp, La Mã cổ đại được hình thành ở khu vực nào sau đây?
- A. Lưu vực các dòng sông lớn ở châu Á, châu Phi.
 - B. Vùng ven biển, trên các bán đảo và đảo thuộc Địa Trung Hải.
 - C. Các đồng bằng rộng lớn ở Địa Trung Hải.
 - D. Các cao nguyên rộng lớn ở châu Âu.
- Câu 3.** Nền văn minh phương Đông cổ đại là một trong những cơ sở tác động đến sự hình thành và phát triển của nền văn minh Hy Lạp, La Mã thời kì cổ đại vì
- A. không có văn minh phương Đông cổ đại thì không thể có văn minh Hy Lạp, La Mã cổ đại.
 - B. chế độ quân chủ chuyên chế của nền văn minh phương Đông cổ đại là hình mẫu cho nền văn minh Hy Lạp, La Mã cổ đại.
 - C. các công trình kiến trúc của nền văn minh phương Đông cổ đại là hình mẫu cho kiến trúc Hy Lạp, La Mã cổ đại.
 - D. cư dân Hy Lạp, La Mã có điều kiện tiếp thu, giao lưu với văn minh phương Đông để phát triển hơn.

- Câu 4.** Chế độ dân chủ cổ đại là cơ sở tác động đến sự hình thành và phát triển của nền văn minh Hy Lạp, La Mã thời kì cổ đại vì
- A. tạo điều kiện cho nhiều giai cấp, tầng lớp tham gia xây dựng nền văn minh.
 - B. là điều kiện tiên quyết để sáng tạo nên những thành tựu văn minh.
 - C. chế độ quân chủ chuyên chế không phù hợp để sáng tạo nên những thành tựu văn minh.
 - D. tạo điều kiện cho tầng lớp nô lệ có quyền dân chủ, tham gia vào bộ máy nhà nước.
- Câu 5.** Chế độ bóc lột lao động tầng lớp nô lệ là cơ sở xã hội tác động đến sự hình thành và phát triển của nền văn minh Hy Lạp, La Mã thời kì cổ đại vì tạo điều kiện
- A. thiết lập chế độ dân chủ cổ đại.
 - B. cho tầng lớp nô lệ tham gia vào bộ máy nhà nước.
 - C. cho giai cấp chủ nô có tiềm lực về kinh tế, chính trị.
 - D. giao lưu, kế thừa văn minh phương Đông cổ đại.
- Câu 6.** Sự ra đời của giai cấp tư sản là bối cảnh dẫn đến sự phát triển của văn minh thời Phục hưng vì họ
- A. mong muốn hợp tác với giai cấp phong kiến cải cách Giáo hội Thiên Chúa giáo.
 - B. có mâu thuẫn với tầng lớp quý tộc phong kiến đang cản trở sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa.
 - C. muốn thành lập các lãnh địa phong kiến, thiết lập chế độ phong kiến tập quyền.
 - D. muốn tiến hành các cuộc phát kiến địa lí, mở rộng thị trường buôn bán.
- Câu 7.** Trong giai đoạn đầu, giai cấp tư sản đấu tranh chống lại chế độ phong kiến bằng hình thức nào sau đây?
- A. Không nộp thuế cho nhà vua.
 - B. Đấu tranh đòi các quyền lợi về kinh tế.
 - C. Đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá.
 - D. Làm cách mạng lật đổ chế độ phong kiến.
- Câu 8.** “Quê hương” của nền văn minh thời Phục hưng là
- A. Hy Lạp.
 - B. I-ta-li-a.
 - C. Anh.
 - D. Pháp.
- Câu 9.** Sự hình thành chủ nghĩa nhân văn tại các thành thị trung đại là một trong những bối cảnh lịch sử của nền văn minh thời Phục hưng vì
- A. các cuộc cách mạng tư sản ở các nước Tây Âu sẽ bùng nổ tại các thành thị trung đại.
 - B. quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã thay thế quan hệ sản xuất phong kiến.

C. nhiều trường đại học được thành lập, tạo điều kiện phát triển các ngành nghệ thuật.

D. giai cấp phong kiến có cơ hội tiếp thu những tư tưởng tiến bộ.

Câu 10. Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng?

A. Lên án nghiêm khắc Giáo hội Thiên Chúa giáo đương thời.

B. Đề cao giá trị nhân bản và tự do cá nhân.

C. Đề cao quyền độc lập của các dân tộc.

D. Xây dựng thế giới quan tiến bộ của giai cấp tư sản.

Câu 11. Hãy điền tên tầng lớp vào cột B tương ứng với đặc điểm ở cột A sao cho phù hợp với tình hình xã hội của nền văn minh Hy Lạp, La Mã cổ đại.

A	B
1. Có quyền lực, giàu có, là các chủ xưởng, chủ thuyền buôn, chủ trang trại và sở hữu nhiều nô lệ,...	?
2. Là người tự do, gồm nông dân nghèo, thợ thủ công, nô lệ được giải phóng,...	?
3. Bị bóc lột, không có quyền, là tài sản của chủ nô, bị coi là "những công cụ biết nói" của chủ nô.	?

Câu 12. Hãy sắp xếp những thành tựu dưới đây vào bảng sao cho phù hợp với các lĩnh vực của nền văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại: *Dương lịch, Đền Pác-tê-nông, Tượng lực sĩ ném đĩa, Đấu trường Cô-li-dê, Đại hội thể thao Ô-lim-píc, "I-li-át và Ô-đi-xê", Định lí Pi-ta-go, Thiên Chúa giáo, Lực đẩy Ác-si-mét, chữ La-tinh.*

Bảng 7. Thành tựu cơ bản của nền văn minh Hy Lạp, La Mã

Lĩnh vực	Lịch và thiên văn	Chữ viết	Khoa học	Tôn giáo	Văn học	Nghệ thuật	Thể thao
Thành tựu	?	?	?	?	?	?	?

Câu 13. Hãy ghép các thành tựu của nền văn minh Hy Lạp, La Mã thời kì cổ đại ở cột A với ý nghĩa của các thành tựu văn minh ở cột B sao cho phù hợp.

A	B
1. Chữ La-tinh	A. được lan toả mạnh mẽ và trở thành một tôn giáo lớn trên thế giới.
2. Sự ra đời của Thiên Chúa giáo	B. là nền tảng chữ viết hệ chữ La-tinh hiện nay.
3. Nhiều nhà khoa học tìm ra những định lí, định đề	C. là cơ sở cho cách tính lịch hiện nay.
4. Biết làm lịch dựa theo sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời	D. được ứng dụng hiệu quả trong cuộc sống và là nền tảng của khoa học hiện đại.
5. Đèn Pác-tê-nông, đấu trường Cô-li-dê	E. góp phần giải trí, đoàn kết, gắn kết.
6. Đại hội thể thao Ô-lim-píc	G. là đỉnh cao của nghệ thuật và biểu tượng của văn minh Hy Lạp cổ đại.

Câu 14. Hãy nối các lĩnh vực ở cột A với các nhân vật lịch sử ở cột B sao cho phù hợp với thành tựu của các nền văn minh Hy Lạp, La Mã cổ đại.

A	B
1. Văn học	A. Hô-me.
2. Triết học	B. Ta-lét.
3. Y học	C. Hê-rô-đốt.
4. Toán học	D. Ác-si-mét.
5. Sử học	E. Xô-phốc-lơ.
6. Vật lí	G. A-rít-xtốt.
	I. Hi-pô-crát.

Câu 15. Hãy tìm hiểu và giới thiệu về một trong hai công trình kiến trúc dưới đây theo các gợi ý: thời gian xây dựng, địa điểm, chức năng, đặc điểm kiến trúc, ý nghĩa.



Hình 7.1. Đền Pác-tê-nông (Hy Lạp)

Hình 7.2. Đấu trường Cô-li-dê (I-ta-li-a)

Câu 16. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Những kết quả nghiên cứu của các nhà bác học thời Phục hưng không những đã góp phần cống hiến to lớn vào sự phát triển khoa học của nhân loại, mà đã thực sự là một cuộc cách mạng trong lĩnh vực tư tưởng, đã đập tan thể giới quan duy tâm thần bí của Giáo hội, xây dựng thể giới quan duy vật tiến bộ”.

(Lịch sử thế giới trung đại, Lương Ninh, Đặng Đức An)

Hãy:

- a) Gạch chân các cụm từ thể hiện ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng.
- b) Trình bày ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng.

Chủ đề 4. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Bài 8. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ CẬN ĐẠI

Câu 1. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra trong bối cảnh

- A. chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa độc quyền.
- B. các nước Âu – Mỹ hoàn thành các cuộc cách mạng tư sản.
- C. có những tiến bộ về kĩ thuật trong công trường thủ công.
- D. máy hơi nước đã được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất.

Câu 2. Nước nào sau đây đi tiên phong trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất?

- A. Pháp.
- B. Anh.
- C. Đức.
- D. Mỹ.

Câu 3. Phát minh quan trọng nhất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là gì?

- A. Máy dệt Gienn-y.
B. Máy hơi nước.
C. Đầu máy xe lửa.
D. Bóng đèn điện.

Câu 4. Nhà bác học nào sau đây đã phát minh ra bóng đèn điện?

- A. Ghê-oóc Xi-môn Ôm. B. Mai-con Pha-ra-đây.
C. Thô-mát Ê-đi-xơn. D. E.K. Len-xơ.

Câu 5. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh bối cảnh lịch sử tác động đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai?

- A. Chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa độc quyền.
B. Các nước Âu – Mỹ hoàn thành các cuộc cách mạng tư sản.
C. Giai cấp tư sản bắt đầu lên cầm quyền ở một số nước.
D. Máy hơi nước đã được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất.

Câu 6. Thành tựu tiêu biểu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai là

- A. chế tạo máy hơi nước.
B. ngành hàng không ra đời.
C. lần đầu tiên xuất hiện tàu thủy chạy bằng hơi nước.
D. xuất hiện công nghệ thông tin.

Câu 7. Động cơ đốt trong được phát minh trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất có ý nghĩa

- A. thúc đẩy cơ giới hoá sản xuất.
B. khởi đầu quá trình công nghiệp hoá.
C. giúp cho liên lạc ngày càng thuận tiện.
D. mở ra khả năng ứng dụng nguồn năng lượng mới.

Câu 8. Nguồn năng lượng bắt đầu được sử dụng từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai là

- A. than đá.
B. thủy điện.
C. điện.
D. dầu mỏ.

Câu 9. Một trong những ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại là

- A. sản lượng công nghiệp tăng lên nhanh chóng
B. hình thành hai giai cấp tư sản và vô sản.
C. hình thành lối sống, tác phong công nghiệp.
D. thúc đẩy giao lưu, kết nối văn hoá toàn cầu.

Câu 10. Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại đã đưa đến sự hình thành hai giai cấp

- A. tư sản và vô sản. B. tư sản và tiểu tư sản.
C. tư sản và quý tộc mới. D. tư sản công nghiệp và tư sản thương nghiệp.

Câu 11. Hãy ghép thành tựu ở cột A với tên người sáng chế ở cột B sao cho phù hợp với thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại.

A	B
1. Máy bay đầu tiên	A. Tô-mát Ê-đi-xơn.
2. Bóng đèn điện	B. Xti-phen-xơn.
3. Máy hơi nước	C. Giêm Oát.
4. Đầu máy xe lửa	D. Vin-bơ Rai và Oóc-vin Rai.
5. Động cơ đốt trong	E. Giôn Béc-bơ.

Câu 12. Cho các cụm từ sau: A. *hơi nước*, B. *thất nghiệp*, C. *công trường thủ công*, D. *máy móc thay thế*, E. *phong trào phá huỷ*, G. *máy dệt*.

Hãy đặt các cụm từ trên vào chỗ chấm (...) trong đoạn tư liệu dưới đây sao cho phù hợp với tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại.

“Năm 1758, khi E-vơ-rét chế ra chiếc máy đầu tiên chạy bằng nước để xén lông cừu, thì mười vạn người bị cái máy đó làm cho ... (1). Năm vạn công nhân sống bằng nghề chải len đã dồn dập gửi đơn khiếu nại tới Nghị viện phản đối việc dùng những máy chải do Ác-cơ-rai sáng chế. Người ta thường gọi ... (2) nhiều máy móc ở các khu ... (3) ở Anh trong 15 năm đầu thế kỉ XIX là phong trào Nét-lớt (phong trào lấy tên của Nét-lớt, người đã khởi xướng phong trào đó). Người ta nói rằng ở Anh cái ... (4) chạy bằng ... (5) đã làm cho 300 000 thợ dệt thất nghiệp... là nói đến số đông đảo công nhân trước kia có công việc làm ăn đã thực sự bị ... (6) hoặc thải ra”.

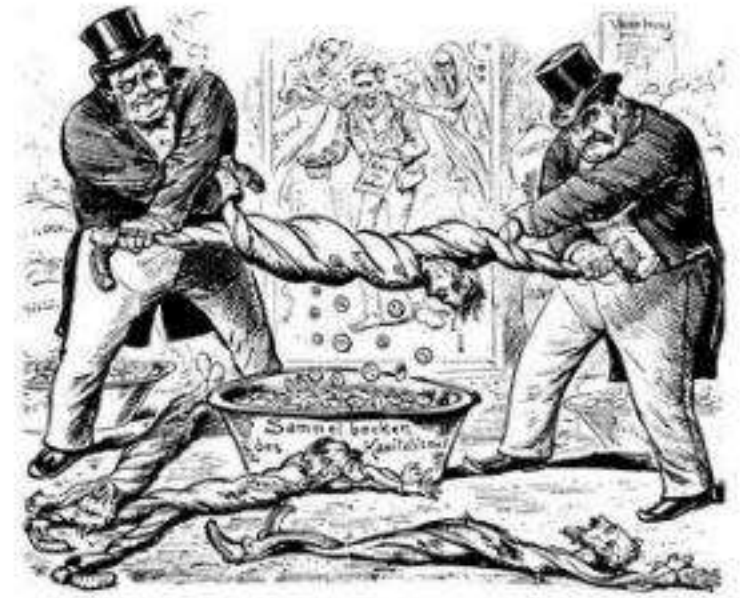
(*Tư bản*, Quyển 1, Tập 2, C. Mác)

Câu 13. Hãy tìm hiểu và giới thiệu về một nhà khoa học của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại mà em ấn tượng nhất.

Câu 14. Quan sát hình 8, hãy:

- Cho biết hình ảnh phản ánh điều gì?
- Trình bày suy nghĩ của em khi quan sát hình ảnh đó.

Hình 8. Giai cấp tư sản vắt kiệt sức lao động của giai cấp vô sản (tranh biếm hoạ)



Bài 9. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ HIỆN ĐẠI

Câu 1. Ý nào sau đây là bối cảnh lịch sử tác động đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba?

- A. Chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa độc quyền.
- B. Toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ, đem lại những cơ hội và thách thức cho các nước.
- C. Chiến tranh thế giới thứ hai đặt ra nhu cầu phát minh các loại vũ khí mới.
- D. Giai cấp tư sản lên cầm quyền sau các cuộc cách mạng tư sản.

Câu 2. Nước nào sau đây khởi đầu cho cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba?

- A. Anh. B. Pháp. C. Mỹ. D. Liên Xô.

Câu 3. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra vào thời gian nào?

- A. Nửa cuối thế kỉ XIX. B. Nửa đầu thế kỉ XX.
- C. Nửa sau thế kỉ XX. D. Đầu thế kỉ XXI.

Câu 4. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp là đặc điểm của cuộc Cách mạng công nghiệp

- A. lần thứ nhất. B. lần thứ hai. C. lần thứ ba. D. lần thứ tư.

Câu 5. Nguồn gốc sâu xa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại là gì?

- A. Do tác động của toàn cầu hoá.
- B. Do tác động của khủng hoảng tài chính.
- C. Do những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất.
- D. Do yêu cầu của cuộc chạy đua vũ trang giữa các nước tư bản.

Câu 6. Thành tựu nào sau đây của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba có ý nghĩa nâng cao sức mạnh trí óc cũng như công nghệ?

A. Phương pháp sinh sản vô tính.
C. “Bản đồ gen người”.

B. Trí tuệ nhân tạo.
D. Máy tính điện tử.

Câu 7. Một trong những điểm giống nhau về bối cảnh lịch sử tác động đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư là

- A. khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu đặt ra yêu cầu mới.
- B. toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ, đem lại những cơ hội và thách thức cho các nước.
- C. nhu cầu đời sống vật chất, tinh thần của con người ngày càng cao.
- D. mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội ngày càng gay gắt.

Câu 8. Thành tựu quan trọng nào sau đây trong các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đã góp phần giải quyết vấn đề lương thực cho con người?

- A. Trí tuệ nhân tạo.
- B. Máy hơi nước.
- C. Cuộc “Cách mạng xanh”.
- D. Công nghệ thông tin.

Câu 9. Cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đã đạt thành tựu nào sau đây vào năm 1946?

- A. Máy tính điện tử được phát minh.
- B. Internet được phát minh.
- C. Con người đặt chân lên Mặt Trăng.
- D. Rô-bốt được phát minh.

Câu 10. Những yếu tố cốt lõi của kĩ thuật số trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là gì?

- A. Internet kết nối vạn vật (IoT), công nghệ sinh học, công nghệ liên ngành, đa ngành.
- B. Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet kết nối vạn vật (IoT), Dữ liệu lớn (Big Data).
- C. Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet kết nối vạn vật (IoT), công nghệ sinh học.
- D. Kĩ thuật số; công nghệ sinh học; công nghệ liên ngành, đa ngành.

Câu 11. Một trong những ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại là

- A. máy móc dần dần thay thế sức lao động của con người.
- B. khởi đầu quá trình công nghiệp hoá.
- C. đưa nhân loại sang nền văn minh thông tin.
- D. chuyển nền sản xuất thủ công sang cơ khí hoá.

Câu 12. Nội dung nào sau đây **không** phải là trụ cột của toàn cầu hoá?

- A. Mạng lưới thông tin toàn cầu.
- B. Mạng lưới và hệ thống siêu thị toàn cầu.
- C. Mạng lưới và hệ thống tài chính toàn cầu.
- D. Mạng lưới giáo dục toàn cầu.

Câu 13. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và thứ tư tác động lớn đến xã hội, thể hiện ở sự xuất hiện của

- A. giai cấp công nhân hiện đại.
- B. toàn cầu hoá.
- C. công nghệ thông tin.
- D. internet.

Câu 14. Cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đã

- A. đưa nhân loại sang nền văn minh thông tin.
- B. làm xuất hiện hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản.
- C. khởi đầu quá trình công nghiệp hoá.
- D. chuyển từ nền sản xuất cơ khí hoá sang điện khí hoá.

Câu 15. Nhận định nào sau đây **không** phản ánh đúng tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với xã hội và văn hoá?

- A. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực ở trình độ cao hơn so với các cuộc cách mạng trước đó.
- B. Thách thức với văn hoá các dân tộc trên thế giới trong thời đại công nghiệp 4.0 hiện nay là sự phát sinh tình trạng văn hoá “lai căng”.
- C. Thách thức với văn hoá các dân tộc trên thế giới trong thời đại công nghiệp 4.0 hiện nay là nguy cơ đánh mất văn hoá truyền thống.
- D. Cuộc đấu tranh của công nhân hiện đại mang tính chất kinh tế – xã hội nhiều hơn.

Câu 16. Hãy nhận diện và chỉ ra tên gọi của các hình ảnh dưới đây liên quan đến thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại.



Hình 9.1



Hình 9.2



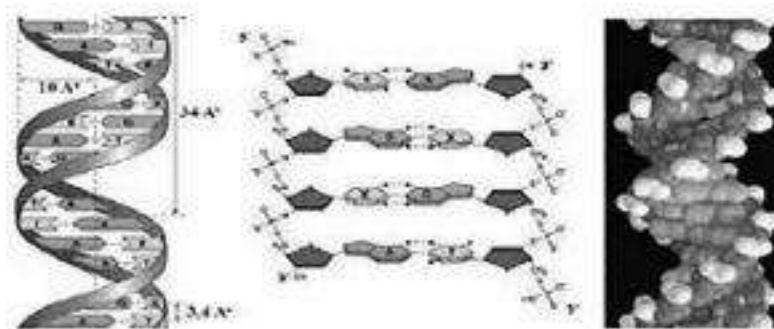
Hình 9.3



Hình 9.4



Hình 9.5



Hình 9.6

Câu 17. Cho các cụm từ sau: A. *chiếc máy tính để bàn*, B. *Windows*, C. *tin học*, D. *máy tính cỡ lớn*, E. *hình thức số*, G. *lập trình viên*. Hãy:

a) Đặt các cụm từ trên vào chỗ chấm (...) trong đoạn tư liệu dưới đây sao cho phù hợp với các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại.

“Lần đầu tiên, những máy tính cá nhân sử dụng phần mềm ...(1) đã cho phép hàng triệu cá nhân tạo ra nội dung dưới ...(2) và điều này có nghĩa rằng nội dung có thể được chia sẻ rộng rãi ở khoảng cách xa. Cuộc cách mạng này tạo ra một đội ngũ những người có thể tạo ra nội dung dưới hình thức số một cách dễ dàng hơn với chi phí thấp hơn bao giờ hết – từ ...(3), ở trong bếp, trên giường ngủ và trong tầng hầm – thay vì phải cần có một chiếc ...(4) chủ yếu dành cho mục đích kinh doanh. Đột nhiên, những con người bình thường có thể được hưởng lợi từ ...(5) mà không cần phải trở thành ...(6)”.

(Thế giới phẳng, Thô-mát L. Phờ-ri-man)

b) Rút ra kết luận từ đoạn tư liệu trên.

Câu 18. Theo em, cần sử dụng internet trong học tập như thế nào để có hiệu quả?

Chủ đề 5. VĂN MINH ĐÔNG NAM Á

Bài 10. CƠ SỞ HÌNH THÀNH VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI KÌ CỔ – TRUNG ĐẠI

Câu 1. Vị trí nằm giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương là một trong những cơ sở tác động đến sự hình thành nền văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại vì

- A. đây là điều kiện thuận lợi để giao lưu với các nền văn minh lớn.
- B. có hệ thống giao thông đường sông thuận lợi.
- C. có điều kiện tiếp xúc với văn minh phương Tây.
- D. đây là hai đại dương lớn nhất thế giới.

- Câu 2.** Hệ thống sông ngòi của Đông Nam Á đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và phát triển của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại vì
- A. đã hình thành những đồng bằng châu thổ phì nhiêu, cung cấp nước tưới tiêu và là đường giao thông thủy thuận lợi.
 - B. là nơi cung cấp nguồn nguyên liệu cho các hoạt động sản xuất.
 - C. kết nối các quốc gia Đông Nam Á hải đảo với các quốc gia Đông Nam Á lục địa.
 - D. chia cắt địa hình, khiến văn minh Đông Nam Á trở nên đa dạng.
- Câu 3.** Sông Mê Công chảy qua địa phận của những quốc gia nào sau đây ở Đông Nam Á?
- A. Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Xin-ga-po, Mi-an-ma.
 - B. Mi-an-ma, Thái Lan, Lào, Việt Nam, In-đô-nê-xi-a.
 - C. Mi-an-ma, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam.
 - D. Thái Lan, Việt Nam, Lào, Ma-lay-xi-a, In-đô-nê-xi-a.
- Câu 4.** Đông Nam Á là xứ sở của những cây hương liệu, gia vị đặc trưng như
- A. quế, ớt, bạc hà, ô-liu.
 - B. long nhãn, cam thảo, đinh hương, ô-liu.
 - C. hồi, húng quế, tỏi, ô-liu.
 - D. trầm hương, quế, hồ tiêu.
- Câu 5.** Khí hậu đặc trưng của Đông Nam Á là
- A. ôn đới.
 - B. nhiệt đới ẩm gió mùa.
 - C. cận nhiệt đới.
 - D. khô, nóng.
- Câu 6.** Hoạt động kinh tế đặc trưng của Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại là
- A. thương mại đường biển.
 - B. nông nghiệp trồng lúa cạn.
 - C. thủ công nghiệp dân gian.
 - D. nông nghiệp trồng lúa nước.
- Câu 7.** Cư dân Đông Nam Á thuộc tiểu chủng
- A. Môn-gô-lô-ít phương Nam.
 - B. Môn-gô-lô-ít phương Bắc.
 - C. Môn-gô-lô-ít phương Tây.
 - D. Môn-gô-lô-ít phương Đông.
- Câu 8.** Tổ chức xã hội cơ bản của cư dân Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại là
- A. công xã.
 - B. làng.
 - C. tỉnh.
 - D. thôn.
- Câu 9.** Văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các nền văn hoá nào sau đây?
- A. Trung Hoa, Nhật Bản.
 - B. Ấn Độ, Ả Rập.
 - C. Ấn Độ, Trung Hoa.
 - D. Ả Rập, phương Tây.

Câu 10. Văn hoá Ấn Độ đã ảnh hưởng đến văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại thông qua

- A. thương nhân và nhà truyền đạo. B. hệ thống đường sông.
C. giáo dục. D. chiến tranh xâm lược.

Câu 11. Một trong những biểu hiện của ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa đối với văn minh Đông Nam Á là sự truyền bá của

- A. Đạo giáo và Hin-đu giáo. B. Nho giáo và Đạo giáo.
C. Phật giáo và Hin-đu giáo. D. Đạo giáo và Hồi giáo.

Câu 12. Quan sát các hình sau và dựa vào các kiến thức đã học, hãy xếp các thành tựu văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại chịu ảnh hưởng của nền văn hoá Trung Hoa và Ấn Độ vào bảng theo mẫu sau sao cho phù hợp.

Văn hoá Trung Hoa	Văn hoá Ấn Độ
?	?
?	?



Hình 10.1.
Đền Bô-rô-bu-đua
(In-đô-nê-xi-a)



Hình 10.2.
Hội quán Tuệ Thành
(Việt Nam)



Hình 10.3.
Múa Áp-sa-ra
(Cam-pu-chia)



Hình 10.4.
Tết Nguyên đán
(Ma-lay-xi-a)



Hình 10.5.
Chữ viết trên bia đá của vua
Ram Khăm-hèng (Thái Lan)



Hình 10.6.
Kịch Hồ Quảng
(Xin-ga-po)

Câu 13. Hãy phân tích ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa đối với văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại.

Câu 14. Dựa vào kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi trong bảng dưới đây để thấy được ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ đối với văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại.

What (Cái gì?)	Who (Ai?)	Where (Ở đâu?)	Why (Tại sao?)	When (Khi nào?)
Ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ tới Đông Nam Á thể hiện trên những lĩnh vực nào?	Ai đã đưa văn hoá Ấn Độ tới Đông Nam Á?	Ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ tới Đông Nam Á thể hiện đậm nét tại những nước nào?	Tại sao văn hoá Ấn Độ được cư dân Đông Nam Á đón nhận?	Văn hoá Ấn Độ được truyền bá đến Đông Nam Á vào thời gian nào?
?	?	?	?	?

Bài 11. HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI KÌ CỔ – TRUNG ĐẠI

Câu 1. Một trong những biểu hiện trong tiến trình phát triển của văn minh Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X là

- A. một số quốc gia nhỏ trước đây bị thôn tính hoặc hợp nhất lại với nhau thành những nước lớn hơn.
- B. sự xâm nhập và lan toả của Hồi giáo đã tạo nên những sắc thái mới cho văn minh trong khu vực.
- C. Vương quốc Phù Nam trở thành vương quốc hùng mạnh bậc nhất khu vực.
- D. sự hoàn thiện của các nhà nước quân chủ với nền kinh tế phát triển thịnh đạt.

Câu 2. Trong khoảng thời gian từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X, thành tựu nổi bật nhất của văn minh Đông Nam Á là

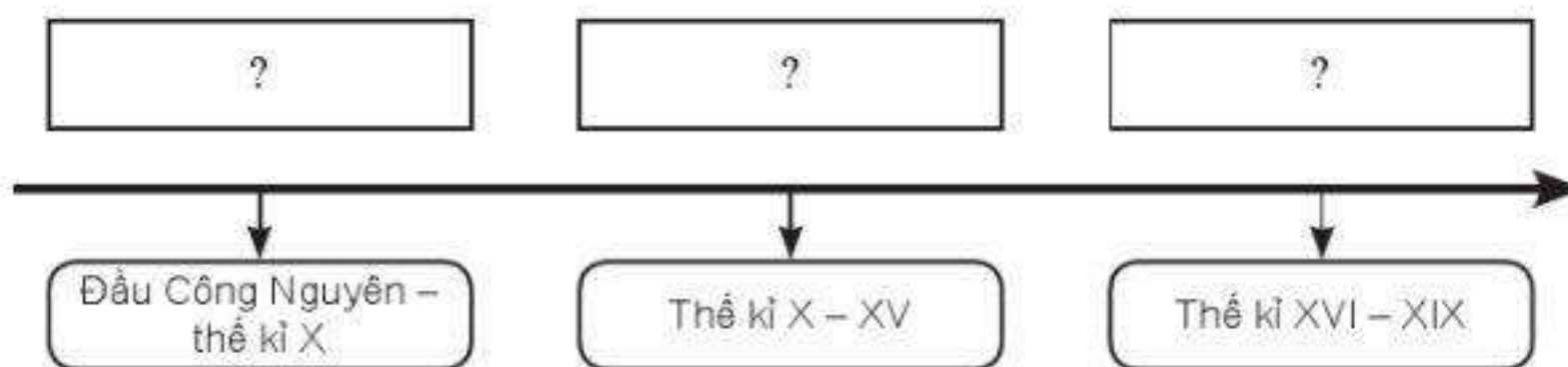
- A. sự ra đời và bước đầu phát triển của các nhà nước.
- B. hình thành các quốc gia thống nhất và lớn mạnh.
- C. các quốc gia phát triển đến thời kì cực thịnh.
- D. các quốc gia có nhiều chuyển biến mới về văn hoá.

Câu 3. Yếu tố văn hoá mới bên ngoài du nhập vào và có tác động tới sự chuyển biến về văn hoá ở Đông Nam Á trong khoảng thế kỉ X – XV là

- A. Phật giáo.
- B. Hin-đu giáo.
- C. Hồi giáo.
- D. Thiên Chúa giáo.

- Câu 4.** Yếu tố văn hoá nào sau đây giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình giao lưu, tiếp biến văn hoá giữa phương Tây với Đông Nam Á?
- A. Lễ hội. B. Ngôn ngữ.
C. Kiến trúc. D. Văn học.
- Câu 5.** Một trong những yếu tố tác động đến sự khủng hoảng và suy vong của nhiều quốc gia phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX là
- A. sự du nhập của Thiên Chúa giáo.
B. quá trình xâm nhập của các nước phương Tây.
C. sự xâm nhập và lan toả của Hồi giáo.
D. sự bành trướng và xâm lược của Trung Hoa.
- Câu 6.** Quá trình xâm nhập của các nước phương Tây vào Đông Nam Á được đánh dấu bằng sự kiện nào sau đây?
- A. Bồ Đào Nha đánh chiếm Ma-lắc-ca.
B. Pháp đánh chiếm Đông Dương.
C. Tây Ban Nha đánh chiếm Phi-lip-pin.
D. Anh đánh chiếm Miến Điện.
- Câu 7.** Thánh lễ Thiên Chúa giáo đầu tiên ở Đông Nam Á diễn ra ở quốc gia nào sau đây?
- A. Xin-ga-po. B. Ma-lay-xi-a.
C. Phi-lip-pin. D. In-đô-nê-xi-a.
- Câu 8.** Nội dung nào sau đây **không** phải là tín ngưỡng bản địa của cư dân Đông Nam Á?
- A. Thờ cúng tổ tiên B. Thờ thần tự nhiên.
C. Thờ thần động vật. D. Thờ Chúa trời.
- Câu 9.** Chữ viết của Trung Hoa có ảnh hưởng lớn đến chữ viết của quốc gia nào sau đây?
- A. Khơ-me. B. Ma-lay-xi-a.
C. Việt Nam. D. Cam-pu-chia.
- Câu 10.** Thành tựu văn học tiêu biểu của Ma-lay-xi-a thời kì cổ – trung đại là tác phẩm
- A. *Đẻ đất đẻ nước.* B. *Truyện sử Me-lay-u.*
C. *Pơ-rắc Thon.* D. *Pun-hơ Nhan-hơ.*
- Câu 11.** Kiến trúc nào sau đây được coi là biểu tượng văn hoá thích hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm ở các địa hình khác nhau của cư dân Đông Nam Á?
- A. Nhà sàn. B. Nhà trên sông.
C. Nhà trệt. D. Nhà mái bằng.

Câu 12. Dựa vào kiến thức đã học, hãy thể hiện nội dung cơ bản của các giai đoạn phát triển văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại trên trục thời gian theo mẫu sau:



Câu 13. Dựa vào kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi về thành tựu tín ngưỡng, tôn giáo của nền văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại theo mẫu sau:

Know (Biết gì?)	Want (Muốn biết gì?)	Learn (Học được gì?)	How (Tìm hiểu thêm như thế nào?)
Em biết gì về tín ngưỡng, tôn giáo Đông Nam Á?	Em muốn biết gì về các tín ngưỡng, tôn giáo chủ yếu ở Đông Nam Á?	Em đã học được gì về tín ngưỡng, tôn giáo Đông Nam Á?	Em có thể tìm hiểu thêm về tín ngưỡng, tôn giáo Đông Nam Á như thế nào?
?	?	?	?

Câu 14. Hãy ghép các công trình kiến trúc ở cột A với các quốc gia Đông Nam Á ở cột B sao cho phù hợp.

A	B
1. Thánh địa Mỹ Sơn	A. In-đô-nê-xi-a.
2. Thạt Luồng	B. Việt Nam.
3. Chùa Vát Pho	C. Cam-pu-chia.
4. Ăng-co Thom	D. Lào.
5. Đền Bô-rô-bu-đua	E. Thái Lan.
6. Nhà thờ Mê-la-ka	G. Xin-ga-po.
7. Nhà thờ San A-gút-tin	H. Ma-lay-xi-a.
8. Thánh đường Hồi giáo Sun-tan Ô-ma A-li Sai-phu-đin	I. Mi-an-ma.
9. Chùa Phật Nha	K. Bru-nây.
10. Chùa Suê-đa-gon	L. Phi-lip-pin.

Câu 15. Hãy tìm hiểu và giới thiệu về một trong hai công trình nghệ thuật sau theo các gợi ý: thời gian xây dựng, địa điểm, đặc điểm, giá trị,...



Hình 11.1. Khu đền Ăng-co Vát
(Cam-pu-chia)



Hình 11.2. Tượng thần
ở đền Bay-on (Cam-pu-chia)

Câu 16. Hãy kể tên ít nhất hai công trình nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại chịu ảnh hưởng của các tôn giáo sau: Phật giáo, Hin-đu giáo, Thiên Chúa giáo.

Chủ đề 6. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)

Bài 12. VĂN MINH VĂN LANG – ÂU LẠC

Câu 1. Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc được hình thành ở khu vực nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả.
- B. Các tỉnh miền núi và trung du phía Bắc.
- C. Lưu vực sông Hồng và sông Thu Bồn.
- D. Các tỉnh đồng bằng Nam Trung Bộ.

Câu 2. Điều kiện tự nhiên nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Vị trí địa lí thuận lợi cho giao lưu, tiếp xúc với các nền văn minh.
- B. Đất đai phì nhiêu, màu mỡ, có nhiều sông lớn.
- C. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, thuận lợi cho trồng trọt, chăn nuôi.
- D. Địa hình chủ yếu là núi với nhiều cảnh quan đẹp.

Câu 3. Cơ sở kinh tế tác động đến sự hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc là

- A. kinh tế thủ công nghiệp, thương nghiệp đóng vai trò chủ đạo.
- B. hoạt động thương mại đường biển phát triển từ sớm.

- C. các tuyến đường biển thúc đẩy kinh tế thương mại phát triển.
- D. trồng trọt, chăn nuôi phát triển, đặc biệt là nghề nông trồng lúa nước.

Câu 4. Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc được hình thành trên cơ sở xã hội nào sau đây?

- A. Sự phân hoá giữa các tầng lớp xã hội.
- B. Sự xuất hiện tầng lớp quý tộc mới giàu có và nhiều thế lực.
- C. Cửa cải dư thừa, xuất hiện giai cấp phong kiến.
- D. Mâu thuẫn gay gắt giữa nông dân tự do và nô tì.

Câu 5. Đặc trưng về cư trú và di chuyển của cư dân trong nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc là

- A. ở nhà sàn, di chuyển bằng voi, ngựa.
- B. ở nhà sàn, di chuyển trên sông nước chủ yếu bằng thuyền, bè.
- C. ở nhà trệt, di chuyển bằng xe, ngựa.
- D. ở nhà trệt, di chuyển trên sông, suối bằng thuyền, bè.

Câu 6. Nội dung nào sau đây **không** thể hiện nét tiêu biểu về đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Có nghi thức thờ thần Huỷ diệt, thần Sáng tạo.
- B. Hoạt động âm nhạc, ca múa có vị trí quan trọng trong đời sống.
- C. Có tục thờ cúng tổ tiên, anh hùng, thủ lĩnh.
- D. Có tục ăn trầu, nhuộm răng, xăm mình.

Câu 7. Những biểu hiện nào sau đây cho thấy nước Âu Lạc có bước phát triển hơn so với nước Văn Lang?

- A. Lãnh thổ mở rộng, có thể sử dụng nỏ bắn trăm phát trăm trúng, có thành lũy vừa là kinh thành, vừa là kinh đô, vừa là căn cứ quân sự vững chắc.
- B. Dân số gia tăng gấp đôi, lãnh thổ mở rộng về phía đông, có kĩ thuật quân sự ngày càng hiện đại.
- C. Bộ máy hành chính hoàn thiện, dân số gia tăng, có luật pháp thành văn và quân đội chính quy.
- D. Lãnh thổ mở rộng, biết sử dụng nỏ có thể bắn nhiều mũi tên một lần, có thành lũy vừa là kinh đô vừa là căn cứ quân sự vững chắc.

Câu 8. Chọn từ cho sẵn dưới đây đặt vào chỗ chấm (...) trong đoạn văn, thể hiện đời sống tinh thần của cư dân trong nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc: A. *đấu vật*, B. *tổ tiên*, C. *nhuộm răng*, D. *nông nghiệp*, E. *Mặt Trời*, G. *tự nhiên*.

Tín ngưỡng sùng bái các lực lượng ... (1) thể hiện qua các nghi thức như: thờ thần ... (2), thần núi, thần sông; thờ cúng ... (3), anh hùng, thủ lĩnh; thực hành lễ nghi ... (4) cầu mong mùa màng bội thu. Trong các dịp lễ hội, cư dân thường tổ chức đua thuyền, ... (5). Phong tục tập quán có những nét đặc sắc như tục ăn trâu, ... (6), xăm mình.

Câu 9. Quan sát hình 12, hãy:

- Cho biết đây là hình ảnh của lễ hội nào?
- Tìm hiểu và giới thiệu về lễ hội đó.



Hình 12

Câu 10. Em hãy lí giải vì sao nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn được gọi là nền văn minh sông Hồng?

Bài 13. VĂN MINH CHĂM-PA, VĂN MINH PHÙ NAM

Câu 1. Nền văn minh Chăm-pa được hình thành ở khu vực nào của Việt Nam hiện nay?

- A. Vùng duyên hải và một phần cao nguyên miền Trung.
- B. Các tỉnh vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.
- C. Toàn bộ các tỉnh vùng duyên hải miền Trung.
- D. Vùng ven biển Nam Trung Bộ và các tỉnh Nam Bộ.

Câu 2. Điều kiện tự nhiên nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành của nền văn minh Chăm-pa?

- A. Phù sa sông Thu Bồn tạo nên những cánh đồng phì nhiêu, màu mỡ.

- B. Khí hậu ôn đới mát mẻ quanh năm, thuận lợi cho trồng cây công nghiệp.
- C. Địa hình đan xen khu vực cao nguyên với đồng bằng nhỏ hẹp.
- D. Bờ biển dài tạo điều kiện để giao lưu, tiếp xúc với các nền văn minh bên ngoài.

Câu 3. Cơ sở dân cư của nền văn minh Chăm-pa là

- A. những người nói tiếng Thái và tiếng Môn – Khơ-me.
- B. sự hoà hợp giữa người Lạc Việt và người Âu Việt.
- C. những người nói tiếng Môn cổ và một bộ phận cư dân nói tiếng Mã Lai – Đa Đảo.
- D. cư dân nói tiếng Mã Lai – Đa Đảo với cư dân đến từ bên ngoài.

Câu 4. Những thành tựu tiêu biểu về thủ công nghiệp của cư dân Chăm-pa là kĩ thuật

- A. làm đồ gốm và xây dựng đền tháp.
- B. đúc đồng và kĩ thuật in.
- C. rèn sắt và làm thuốc súng.
- D. đúc đồng và làm thuốc súng.

Câu 5. Nền văn minh Phù Nam được hình thành ở khu vực nào của Việt Nam hiện nay?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Các tỉnh vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.
- C. Toàn bộ các tỉnh vùng duyên hải miền Trung.
- D. Vùng ven biển Nam Trung Bộ.

Câu 6. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng cơ sở hình thành của nền văn minh Phù Nam?

- A. Văn minh Phù Nam hình thành trên lưu vực đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Nguồn nước dồi dào, hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, thuận lợi cho canh tác nông nghiệp và đi lại.
- C. Có vị trí địa lí tiếp giáp biển, thuận lợi cho việc giao lưu với các nền văn minh bên ngoài.
- D. Chủ nhân của nền văn minh Phù Nam là cư dân nói tiếng Mã Lai – Đa Đảo.

Câu 7. Văn minh Chăm-pa và văn minh Phù Nam đều chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn minh

- A. Trung Hoa.
- B. Ấn Độ.
- C. Ai Cập.
- D. Hy Lạp.

Câu 8. Cho các cụm từ sau: A. *Hin-đù giáo*, B. *tầng lớp xã hội*, C. *mộ chum*, D. *thần thoại*, E. *chữ Phạn*, G. *Áp-sa-ra*, H. *Nhạc cụ*.

Hãy đặt các cụm từ trên vào chỗ chấm (...) ở các câu sau cho phù hợp với thành tựu của văn minh Chăm-pa.

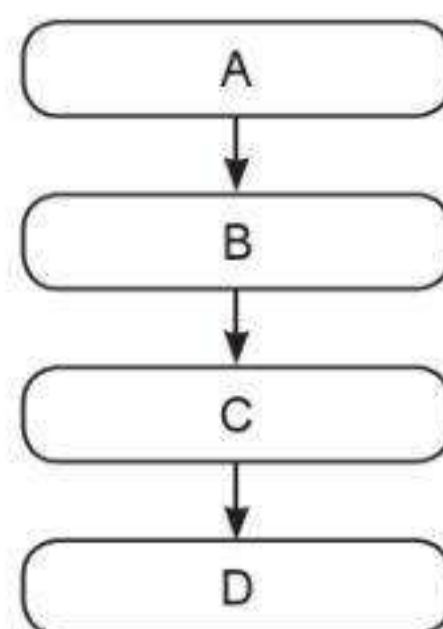
1. Phật giáo được truyền bá rộng rãi trong các ...(1).
2. Có tục thờ cúng tổ tiên, chôn người chết trong các ...(2).
3. Văn học có ...(3), truyền thuyết, văn bi kí, sử thi, thơ, trường ca.
4. Chữ viết Chăm ra đời trên cơ sở tiếp thu ...(4).

5. Biểu diễn điệu múa ...(5) trong cung đình.
6. ...(6) phong phú như đàn cầm, trống, kèn,...
7. Chịu ảnh hưởng của tôn giáo Ấn Độ, đặc biệt là sùng bái các vị thần ...(7).

Câu 9. Cho các cụm từ sau: 1. *Thuộc quan*, 2. *Ngoại quan*, 3. *Tôn quan*, 4. *Vua*.

Hãy:

- a) Đặt các cụm từ trên vào sơ đồ 13 sao cho phù hợp với tổ chức nhà nước Chăm-pa.
- b) Rút ra nhận xét về tổ chức nhà nước Chăm-pa.



Sơ đồ 13. Tổ chức nhà nước Chăm-pa

Câu 10. Hãy lập bảng thể hiện thành tựu của các nền văn minh Chăm-pa và Phù Nam theo mẫu dưới đây.

Thành tựu	Văn minh Chăm-pa	Văn minh Phù Nam
Đời sống vật chất	?	?
Đời sống tinh thần	?	?

Câu 11. Hãy lập bảng về những lĩnh vực/ biểu hiện trong đời sống tinh thần của văn minh Chăm-pa và văn minh Phù Nam chịu ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ theo mẫu sau:

Lĩnh vực	Biểu hiện
?	?

Câu 12. Quan sát hình 13.1, hãy tìm hiểu và giới thiệu về Quần thể tháp Bánh Ít theo các gợi ý: địa điểm, thời gian xây dựng, mục đích xây dựng, giá trị.



Hình 13.1. Quần thể tháp Bánh Ít (Bình Định)

Câu 13. Quan sát các hình 13.1, 13.2 và tìm hiểu thông tin, hãy viết một đoạn giới thiệu về văn hoá Sa Huỳnh và văn hoá Óc Eo theo các gợi ý: năm phát hiện, niên đại, phân bố, chủ nhân, đặc trưng công cụ và kĩ thuật,...



Hình 13.1. Mộ chum Động Cườm
(văn hoá Sa Huỳnh)



Hình 13.2. Tượng thần Bra-ma
(văn hoá Óc Eo)

Bài 14. **CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT**

Câu 1. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng về khái niệm văn minh Đại Việt?

- A. Chủ thể là cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- B. Là nền văn minh đầu tiên của dân tộc Việt Nam.
- C. Phát triển rực rỡ trên các lĩnh vực đời sống xã hội.
- D. Hình thành và phát triển cùng với quốc gia Đại Việt.

Câu 2. Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc là cơ sở hình thành và phát triển của nền văn minh Đại Việt vì

- A. Những di sản và truyền thống của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc tiếp tục được phục hưng, phát triển.
- B. Không có nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc thì không thể có nền văn minh Đại Việt.
- C. Nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt được củng cố vững chắc nên tạo điều kiện cho nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc tiếp tục phát triển.

D. Nhà nước quân chủ chuyên chế thời Văn Lang – Âu Lạc là hình mẫu cho nền văn minh Đại Việt.

Câu 3. Yếu tố quyết định sự phát triển rực rỡ của nền văn minh Đại Việt là

- A. sự phục hồi của nền văn minh Âu Lạc. B. nền độc lập, tự chủ của quốc gia.
C. sự tiếp thu toàn bộ văn minh Trung Hoa. D. sự tiếp thu tinh hoa văn minh Ấn Độ.

Câu 4. Tại sao nói nền độc lập, tự chủ là cơ sở của nền văn minh Đại Việt?

- A. Vì nền độc lập, tự chủ là nguyện vọng tha thiết của nhân dân Đại Việt.
B. Vì nền độc lập, tự chủ là điều kiện thuận lợi để nhân dân xây dựng và phát triển một nền văn hoá dân tộc rực rỡ.
C. Vì chỉ có độc lập, tự chủ thì mới có thể tiếp thu toàn bộ văn minh Trung Hoa, Ấn Độ.
D. Vì không có nền độc lập, tự chủ thì nhân dân Đại Việt không thể đánh thắng giặc ngoại xâm.

Câu 5. Người Việt đã tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của văn minh Trung Hoa trên những lĩnh vực nào sau đây để làm phong phú nền văn minh Đại Việt?

- A. Thể chế chính trị, luật pháp, chữ viết, tư tưởng Nho giáo, giáo dục, khoa cử.
B. Bộ máy nhà nước, tín ngưỡng cổ truyền, Nho học, kỹ thuật canh tác lúa nương.
C. Kỹ thuật luyện kim, chăn nuôi gia súc, luật pháp, chữ viết, Đạo giáo.
D. Quan chế, luật pháp, tiếng nói, giáo dục, khoa cử, hệ thống thủy lợi.

Câu 6. Người Việt đã tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của văn minh Ấn Độ trên những lĩnh vực nào sau đây để làm phong phú nền văn minh Đại Việt?

- A. Phật giáo, chữ viết, cách thức xây dựng hệ thống đề điều.
B. Tín ngưỡng thờ thần, giáo dục, khoa cử.
C. Phật giáo, nghệ thuật, kiến trúc.
D. Đạo giáo, văn học, khoa học – kỹ thuật.

Câu 7. Nền văn minh Đại Việt phát triển mạnh mẽ và toàn diện trong giai đoạn nào sau đây?

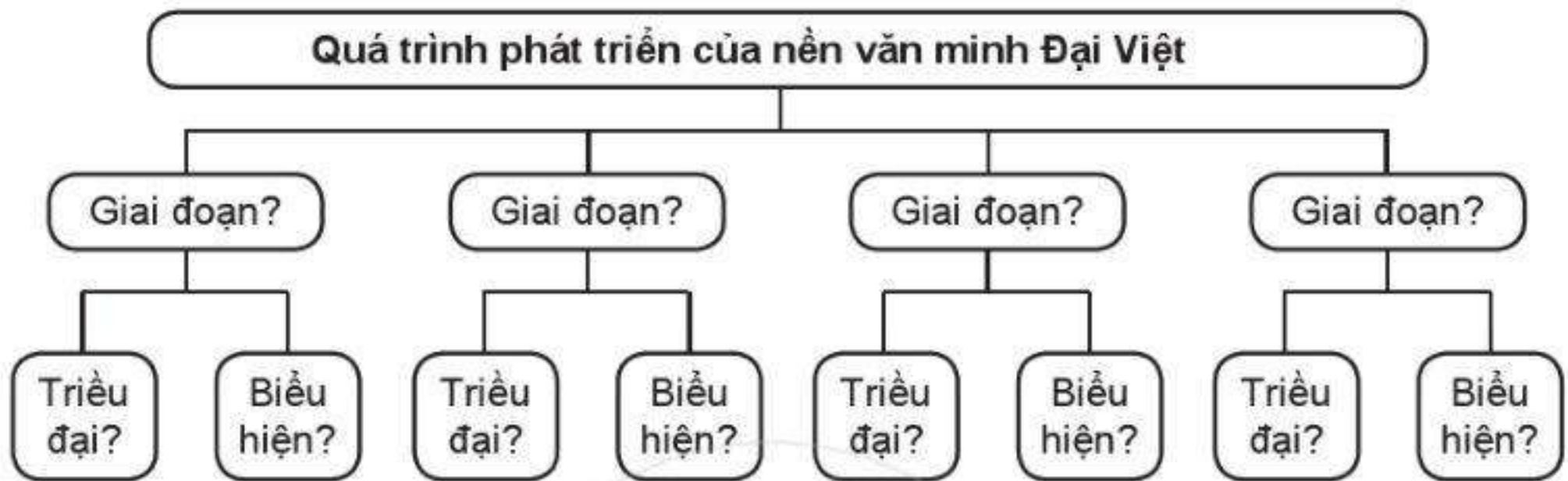
- A. Thế kỉ X – đầu thế kỉ XI. B. Thế kỉ XV – thế kỉ XVII.
C. Thế kỉ XI – đầu thế kỉ XV. D. Đầu thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX.

Câu 8. Chọn từ cho sẵn dưới đây đặt vào chỗ chấm (...), thể hiện quá trình phát triển của văn minh Đại Việt trong đoạn thông tin sau: A. *chính trị*, B. *Nho giáo*, C. *Lê sơ*, D. *phương Tây*, E. *khoa cử*.

Thế kỉ XV – thế kỉ XVII, gắn liền với vương triều ... (1), Mạc, Lê Trung hưng. Văn minh Đại Việt tiếp tục phát triển và đạt được nhiều thành tựu đặc sắc. ... (2) có ảnh hưởng mạnh mẽ. Giáo dục, ... (3) có vai trò to lớn trong đời sống ... (4), văn hoá. Từ đầu thế kỉ XVI, một số yếu tố văn hoá ... (5) từng bước du nhập vào Đại Việt.

Câu 9. Quan sát sơ đồ, hãy:

a) Hoàn thành sơ đồ thể hiện quá trình phát triển của nền văn minh Đại Việt theo mẫu sau.



b) Trình bày sự phát triển của nền văn minh Đại Việt thế kỉ XV - thế kỉ XVII.

Bài 15. MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT

Câu 1. Một trong những thành tựu tiêu biểu về chính trị của nền văn minh Đại Việt là

- A. vua trực tiếp quản lí nhà nước mà không thông qua các cấp trung gian.
- B. việc chia cả nước thành các đạo, phủ, châu/ huyện do vua trực tiếp quản lí.
- C. tổ chức bộ máy nhà nước được hoàn thiện dần từ trung ương đến địa phương.
- D. các cơ quan chuyên môn có vai trò quyết định đối với việc quản lí nhà nước.

Câu 2. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng thành tựu trong lĩnh vực kinh tế Đại Việt (thế kỉ X – giữa thế kỉ XIX)?

- A. Xây dựng được nền kinh tế tự chủ và toàn diện.
- B. Kinh tế nông nghiệp phát triển đỉnh cao ở thời Lý.
- C. Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp.
- D. Mở rộng giao lưu buôn bán với tất cả các nước châu Á.

Câu 3. Thành tựu về giáo dục, khoa cử của văn minh Đại Việt (thế kỉ X – giữa thế kỉ XIX) là

- A. xây dựng Quốc Tử Giám, tổ chức thi cử, tuyển chọn quan lại.
- B. tổ chức đều đặn ba năm một lần các kì thi Hương, thi Hội, thi Đình.
- C. nội dung thi cử bao gồm cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.
- D. sử dụng chữ quốc ngữ làm chữ viết chính thức trong thi cử.

Câu 4. Một trong những tác phẩm y học tiêu biểu của văn minh Đại Việt được biên soạn trong giai đoạn thế kỉ XV – XVIII là

- A. *Hải Thượng y tông tâm lĩnh.* B. *Hồng Nghĩa giác tư y thư.*
C. *Nam dược thần hiệu.* D. *Y thư lược sao.*

Câu 5. Nét độc đáo trong nghệ thuật kiến trúc Đại Việt (thế kỉ X – giữa thế kỉ XIX) là

- A. kiến trúc đồ sộ, quy mô lớn. B. chỉ tập trung ở kinh đô Thăng Long.
C. chịu ảnh hưởng của tôn giáo. D. chịu ảnh hưởng của Phật giáo.

Câu 6. Nội dung nào sau đây **không** phải là tín ngưỡng của cư dân trong nền văn minh Đại Việt?

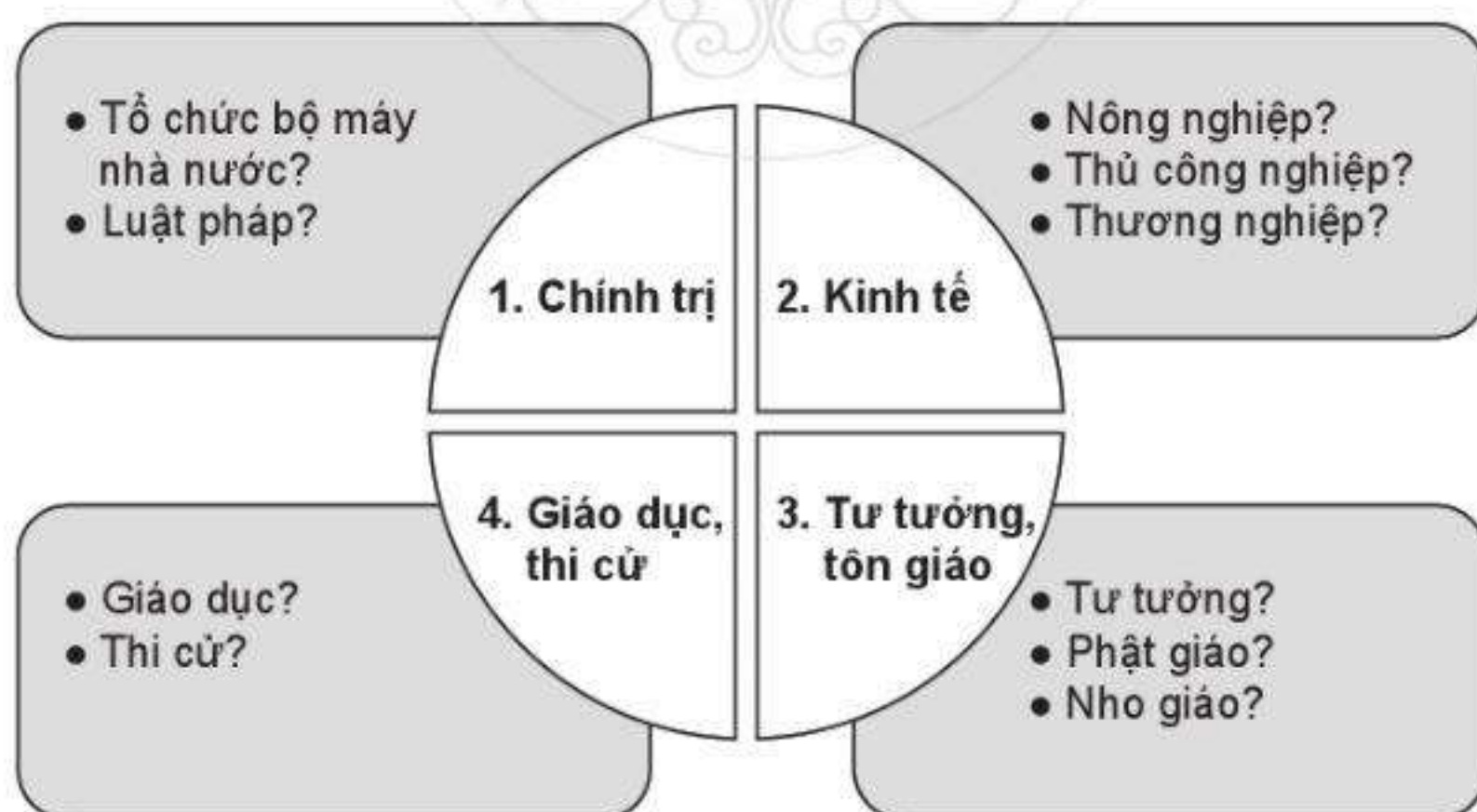
- A. Thờ cúng tổ tiên, thờ người có công với đất nước.
B. Tôn trọng giá trị văn hoá truyền thống.
C. Thờ Mẫu, thờ Thành hoàng, thờ tổ nghề.
D. Thờ thần Mặt Trời và thần Sáng tạo.

Câu 7. Một trong những thành tựu quan trọng về kiến trúc của nền văn minh Đại Việt là

- A. Hoàng thành Thăng Long. B. Kinh đô Phong Châu.
C. Thành Cổ Loa. D. Quần thể tháp Bánh Ít.

Câu 8. Bằng những hiểu biết của bản thân và kiến thức đã học, hãy lập bảng thể hiện một số sự kiện tiêu biểu về giáo dục, khoa cử trong nền văn minh Đại Việt.

Câu 9. Hoàn thành sơ đồ 15 dưới đây về thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Đại Việt.



Sơ đồ 15. Thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Mùa xuân, tháng 2 [năm 1038], vua ngự ra cửa Bồ Hải cày ruộng Tích điền. Sai Hữu ti dọn cỏ đắp đàn. Vua thân tế Thần Nông, tế xong tự cày cày để làm lễ tự cày. Các quan tả hữu có người can rằng: Đó là công việc của nông phu, bệ hạ cần gì làm thế? Vua nói: Trẫm không tự cày thì lấy gì làm xôi cúng, lại lấy gì cho thiên hạ noi theo. Nói xong đẩy cày ba lần rồi thôi”.

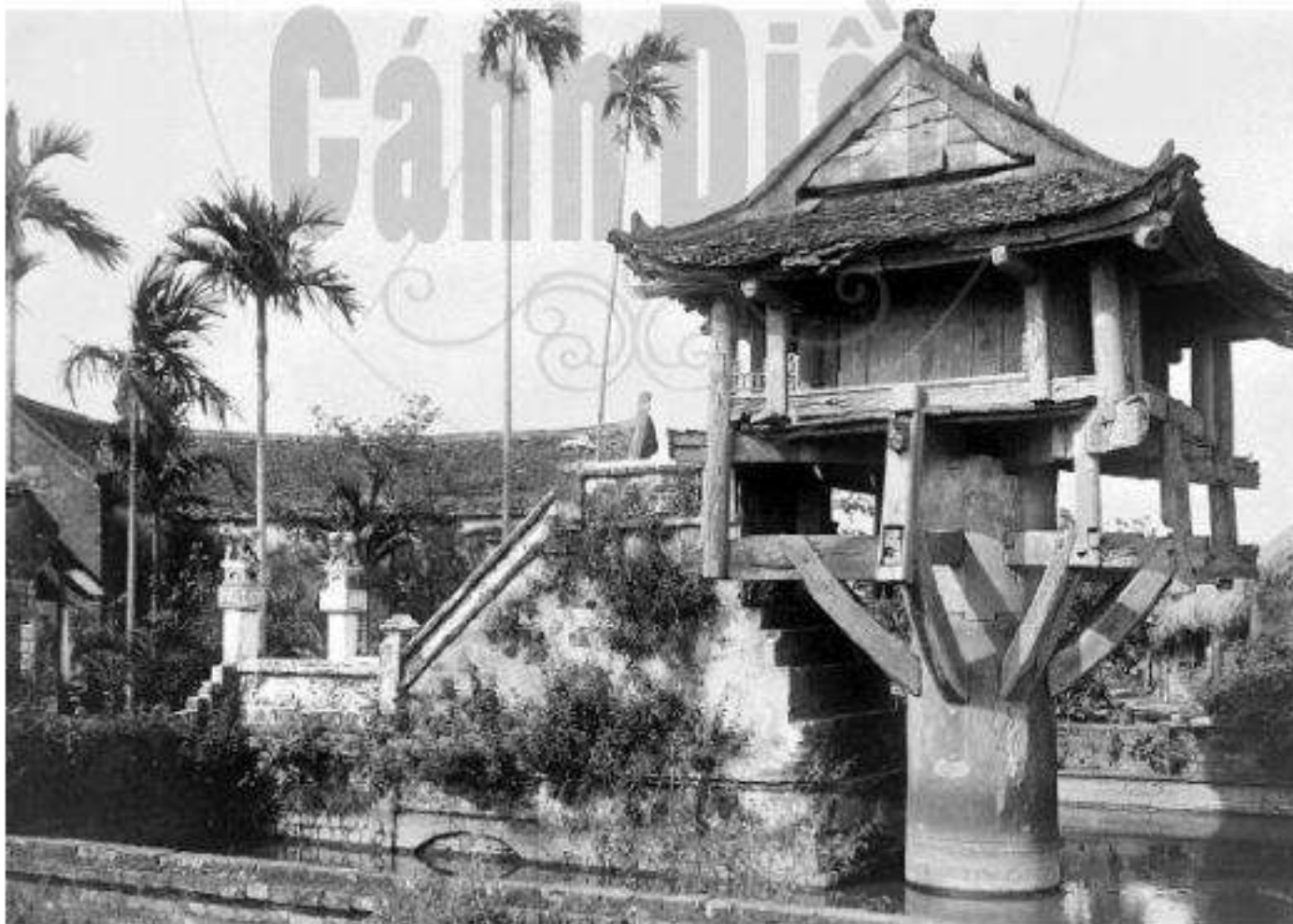
(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)

Theo em, thông tin trong đoạn tư liệu trên cho biết điều gì về thời Lý?

Câu 11. Hãy lập bảng thể hiện thành tựu về văn học trong nền văn minh Đại Việt theo mẫu sau:

Nội dung	Văn học chữ Hán	Văn học chữ Nôm
Tác giả nổi bật	?	?
Tác phẩm nổi bật	?	?
Nội dung chủ yếu	?	?

Câu 12. Hãy tìm hiểu và giới thiệu những nét chính về chùa Một Cột theo các gợi ý sau: địa điểm, thời gian xây dựng, giá trị, thông điệp (bảo tồn, phát huy giá trị).



Hình 15. Chùa Một Cột

Câu 13. Trong các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Đại Việt, em ấn tượng nhất với thành tựu nào? Hãy viết một bài văn ngắn thể hiện cảm nhận của em về thành tựu đó.

Chủ đề 7. CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

Bài 16. CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Câu 1. Năm dân tộc có số dân đông nhất ở Việt Nam xếp lần lượt từ cao xuống thấp là

- A. Kinh, Tày, Thái, Khơ-me, H'mông.
- B. Kinh, Tày, Thái, Mường, H'mông.
- C. Kinh, Tày, Thái, Mường, Nùng.
- D. Kinh, Tày, Nùng, Mường, H'mông.

Câu 2. Năm dân tộc có số dân ít nhất ở Việt Nam xếp lần lượt từ thấp lên cao là

- A. Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Pu Páo, Si La.
- B. Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Ngái, Si La.
- C. Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Pu Páo, Cống.
- D. Ô Đu, Brâu, Ngái, Pu Páo, Si La.

Câu 3. Ngữ hệ là gì?

- A. Là ngôn ngữ chính của một nhóm các dân tộc.
- B. Là một nhóm các dân tộc nói chung một ngôn ngữ.
- C. Là một nhóm các ngôn ngữ có cùng nguồn gốc với nhau.
- D. Là ngôn ngữ riêng của một dân tộc.

Câu 4. Nhóm ngữ hệ Nam Á gồm những nhóm ngôn ngữ nào sau đây?

- A. Tày – Thái và Môn – Khơ-me.
- B. Việt – Mường và Mã Lai – Đa Đảo.
- C. Việt – Mường và Môn – Khơ-me.
- D. Việt – Mường và Tày – Thái.

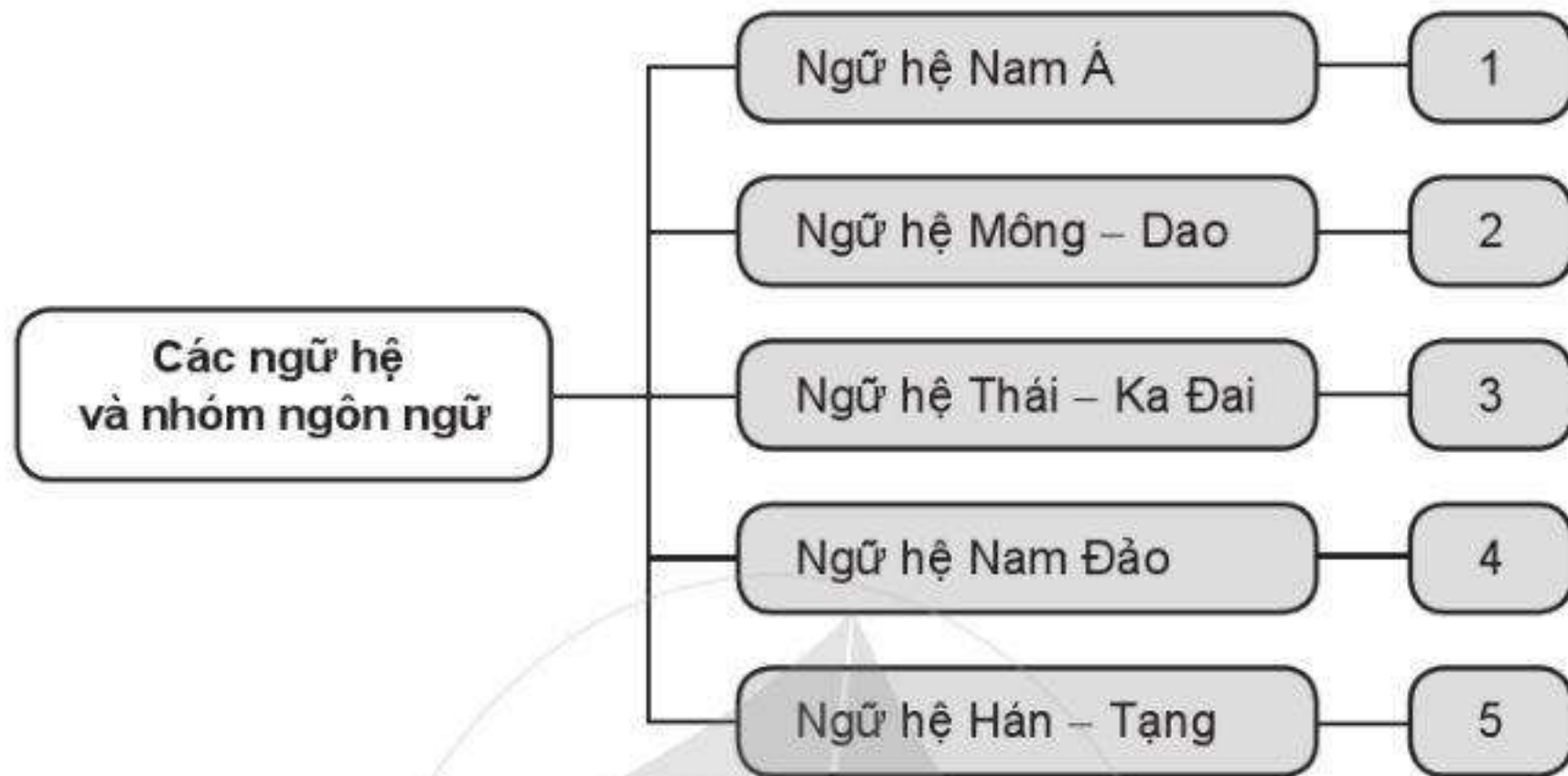
Câu 5. Nhóm ngôn ngữ Mã Lai – Đa Đảo thuộc ngữ hệ nào sau đây?

- A. Nam Á.
- B. Môn – Dao.
- C. Nam Đảo.
- D. Hán – Tạng.

Câu 6. Công chiêng là loại nhạc khí của các dân tộc thuộc khu vực nào sau đây ở Việt Nam?

- A. Tây Nguyên.
- B. Tây Bắc.
- C. Đông Bắc.
- D. Nam Trung Bộ.

Câu 7. Hãy ghép tên các dân tộc sau vào các ngữ hệ chính ở Việt Nam sao cho phù hợp: A. Kinh, B. Hoa, C. Si La, D. H'mông, E. Mường, G. Nùng, H. Ê-đê, I. Ba Na, K. Cờ Lao, L. Chăm, M. Dao.



Sơ đồ 16

Câu 8. Hãy ghép các nội dung ở cột A với các dân tộc ở cột B sao cho phù hợp với những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

A	B
1. Nhà rông	A. Người Chăm.
2. Gốm Bàu Trúc	B. Người H'mông, Dao, Tày, Nùng.
3. Tết Chôl Chnăm Thmây	C. Người Lào.
4. Chợ phiên	D. Người Gia Rai.
5. Tết Bun Pi May	E. Người Ê-đê, Ba Na, Chăm.
6. Gia đình mẫu hệ	G. Người Kinh.
7. Cơm tẻ, nước chè	H. Người Khơ-me.

Câu 9. Hãy lập bảng và điền thông tin theo mẫu dưới đây để thể hiện đời sống vật chất và đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Lĩnh vực	Biểu hiện
Đời sống vật chất	?
Đời sống tinh thần	?

Câu 10. Hãy tìm hiểu và giới thiệu về một dân tộc ở Việt Nam theo các gợi ý: số dân, ngữ hệ, nhóm ngôn ngữ, địa bàn cư trú, nét truyền thống,...

Bài 17. KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1. Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam được hình thành trước hết dựa trên cơ sở nào sau đây?

- A. Quá trình đấu tranh xã hội, chống ngoại xâm.
- B. Quá trình chinh phục thiên nhiên.
- C. Tình cảm gia đình và tình yêu quê hương, đất nước.
- D. Quá trình giao lưu văn hoá với bên ngoài.

Câu 2. Trong thời kì cận – hiện đại, đoàn kết dân tộc Việt Nam được phát huy cao độ thông qua

- A. quá trình tiếp thu văn hoá bên ngoài.
- B. hợp tác kinh tế với nước ngoài.
- C. các hình thức mặt trận.
- D. kế thừa truyền thống của dân tộc.

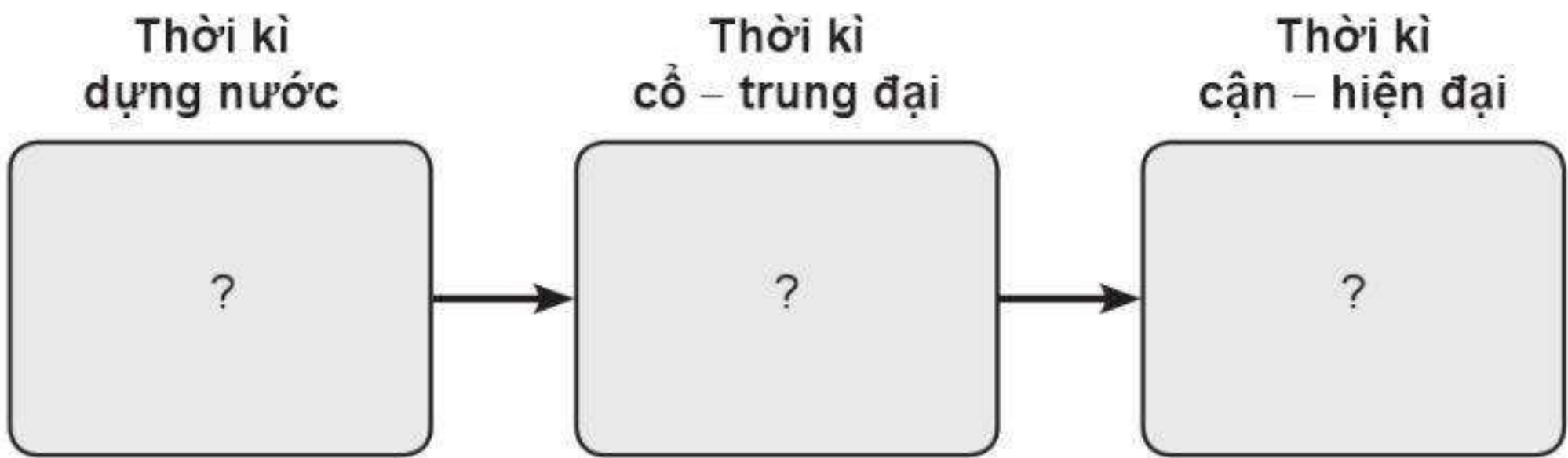
Câu 3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về chính sách dân tộc nhất quán theo nguyên tắc nào sau đây?

- A. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển.
- B. Chú trọng phát triển kinh tế các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa.
- C. Chính sách dân tộc là chiến lược cơ bản, lâu dài, là vấn đề cấp bách.
- D. Các dân tộc giữ gìn bản sắc riêng.

Câu 4. Khối đại đoàn kết dân tộc có vai trò đặc biệt quan trọng trong lịch sử dựng nước, giữ nước vì

- A. quá trình dựng nước và giữ nước gắn liền với đoàn kết chinh phục thiên nhiên.
- B. quá trình dựng nước và giữ nước gắn liền với chống giặc ngoại xâm.
- C. đại đoàn kết tạo nên sức mạnh quyết định cho mọi thắng lợi, bảo vệ vững chắc độc lập.
- D. đây là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Câu 5. Hãy trình bày về quá trình hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam theo mẫu sau:



Câu 6. Cho các cụm từ sau: A. *chủ quyền biên giới, biển đảo*; B. *Đại đoàn kết*; C. *thời đại*; D. *bảo vệ Tổ quốc*. Hãy:

a) Đặt các cụm từ trên vào chỗ chấm (...) trong đoạn tư liệu dưới đây sao cho phù hợp về vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

“...(1) dân tộc là yếu tố đóng vai trò đặc biệt quan trọng khi các quốc gia và toàn nhân loại đang đứng trước những vấn đề lớn của ...(2) như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, đại dịch,... Đặc biệt, trong sự nghiệp ...(3) hiện nay, đại đoàn kết dân tộc là yếu tố không tách rời với việc khẳng định ...(4) của Việt Nam”.

b) Liên hệ với những sự kiện đã và đang diễn ra trên thế giới và trong nước để khẳng định Việt Nam cần phát huy khối đại đoàn kết dân tộc.

Câu 7. Đọc các thông tin trong hình 17.1, hãy:

- Viết ra ba thông tin cơ bản về Mặt trận Việt Minh.
- Nêu điểm tiến bộ trong những chính sách của Việt Minh.
- Đánh giá tính hiệu quả của những chính sách này trong thực tế cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam.



Hình 17.1. Mười chính sách lớn của Việt Minh

Câu 8. Nêu những nội dung cơ bản trong chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc. Hãy phân tích chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước qua một lĩnh vực cụ thể.

Câu 9. Quan sát hình 17.2, hãy:

- Giải thích vì sao phòng họp chính trong Toà nhà Quốc hội lại được đặt tên là “Diên Hồng”?
- Nêu suy nghĩ của em về cách đặt tên này.



Hình 17.2. Phòng họp Diên Hồng trong Toà nhà Quốc hội

Câu 10. Theo em, thế hệ trẻ Việt Nam cần làm gì để góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc?

Câu 11. Quan sát hình 17.3 và tìm kiếm thông tin, hãy cho biết một số câu nói/ viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.



Hình 17.3. Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng bào các dân tộc thiểu số

Phần II: ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI

Bài 1

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	C	A	B	C	D	B	A

Câu 8. 1 – C; 2 – D; 3 – A; 4 – B.

Câu 9. (1) – C; (2) – E; (3) – A; (4) – D; (5) – B.

Câu 10. Hình 1.1: sử liệu hình ảnh; Hình 1.2: sử liệu thành văn; Hình 1.3: sử liệu hiện vật.

Câu 11. Sơ đồ thể hiện phương pháp lịch đại, trình bày lịch sử theo thời gian trước – sau, giúp người đọc thấy được tiến trình lịch sử.

Câu 12. Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau, nhưng nội dung cần đúng và thuyết phục. Ví dụ:

Sử liệu sơ cấp đóng vai trò như bằng chứng. Nếu không có hoặc có ít bằng chứng, việc miêu tả, phục dựng lại quá khứ là không đáng tin cậy, không thuyết phục hoặc rất dễ sai sót. Còn nguồn sử liệu thứ cấp được tạo ra sau thời điểm xuất hiện của các sự vật, hiện tượng được nghiên cứu, đã có sự “can thiệp” của con người (thể hiện quan điểm tiếp cận, đánh giá, nhận xét,...), do vậy chỉ có giá trị tham khảo đối với nhà nghiên cứu.

Bài 2

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	A	D	C	B	D	A	B

Câu 8. 1 – B; 2 – D; 3 – E; 4 – C; 5 – A.

Câu 9. (1) – D; (2) – A; (3) – C; (4) – E; (5) – B; (6) – G.

Câu 10. Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp, thuyết phục. Ví dụ:

Trong lịch sử Việt Nam, tình trạng không đoàn kết là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược đầu thế kỉ XV và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược thế kỉ XIX. Ngược lại, thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống thế kỉ XI, quân xâm lược Mông – Nguyên thế kỉ XIII và công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, thống nhất đất nước thế kỉ XX đều gắn liền với tinh thần đoàn kết dân tộc.

Bài 3

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	C	D	B	C	A	D	B

Câu 8. (1) – E; (2) – A; (3) – D; (4) – C; (5) – B.

Câu 9. Các lĩnh vực như kinh tế, nghệ thuật, tôn giáo,... đều gắn liền với hệ thống tri thức chuyên ngành, chuyên sâu hoặc đặc thù. Nhà sử học rất khó có thể nghiên cứu và trình bày một cách khoa học, chính xác nếu không có nền tảng kiến thức vững chắc về những lĩnh vực đó. Nói cách khác, việc nghiên cứu các lĩnh vực này có sự khác biệt so với việc nghiên cứu các sự kiện, hiện tượng lịch sử đơn thuần.

Câu 10. Học sinh có thể nêu những ví dụ khác nhau, nhưng nội dung cần đúng và thuyết phục. Ví dụ:

- Công nghệ viễn thám có thể hỗ trợ việc tìm kiếm dấu vết các nền văn minh, công trình kiến trúc.
- Thực tại ảo có thể hỗ trợ việc tái hiện không gian lịch sử, đặc biệt là tại các bảo tàng.
- Giải trình tự gen có thể hỗ trợ việc tìm hiểu nguồn gốc và mối liên hệ giữa các tộc người, cộng đồng cư dân,...

Câu 11. 1 – B; 2 – A; 3 – D; 4 – C.

Câu 12. Để nghiên cứu một cách khoa học và đầy đủ về Hoàng thành Thăng Long qua Khu di tích Khảo cổ học số 18 Hoàng Diệu (Hà Nội), cần có sự tham gia của chuyên gia từ các lĩnh vực như: Khảo cổ học, Sử học, Kiến trúc, Xây dựng, Công nghệ thông tin,...

Câu 13. Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau, nhưng nội dung cần phù hợp và thuyết phục. Ví dụ:

Công nghệ thông tin có thể hỗ trợ học sinh:

- Sưu tầm và khai thác các nguồn sử liệu phong phú, đa dạng trên mạng internet.
- Thiết kế và tạo các tác phẩm đa phương tiện về lịch sử khi làm bài tập, tham gia làm việc nhóm, học tập dự án,...
- Trải nghiệm môi trường học tập trực quan, sinh động như tham quan bảo tàng ảo; thực hiện trò chơi, đồ vui trên máy tính và phần mềm,...

Bài 4

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	D	A	B	C	C	D	A

Câu 8. (1) – D; (2) – A; (3) – E; (4) – B; (5) – C.

Câu 9. Học sinh có thể giải thích theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp, thuyết phục. Ví dụ:

Thông qua hoạt động tham quan, tìm hiểu của khách du lịch trong và ngoài nước, những nét đặc sắc, nổi bật về lịch sử, văn hoá cộng đồng sẽ được nhiều người biết đến qua những cách thức khác nhau. Đặc biệt là thông qua việc giới thiệu của du khách, qua báo chí, mạng xã hội,...

Câu 10. Học sinh có thể lựa chọn và lí giải theo những cách khác nhau, nhưng cần phù hợp, thuyết phục. Ví dụ:

Các nhân vật như Lý Công Uẩn, Trần Thủ Độ, Nguyễn Trãi,...; các sự kiện như dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, trận chiến trên phòng tuyến sông Như Nguyệt,...

Câu 11. Hình 4 là cổng Ngọ Môn tại Hoàng thành Huế. Học sinh có thể giới thiệu theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp. Ví dụ:

Cổng Ngọ Môn được xây dựng dưới thời vua Minh Mạng, là cổng lớn nhất trong bốn cổng của Hoàng thành Huế. Kiến trúc của cổng gồm hai phần chính: nền đài ở bên dưới và lầu Ngũ Phụng ở bên trên. Ngọ Môn thường được mở trong những dịp đặc biệt như khi vua ra vào Hoàng thành, đón tiếp sứ thần ngoại quốc,... Khu vực lễ đài và quảng trường trước cổng là nơi diễn ra các buổi lễ lớn của triều đình. Cổng Ngọ Môn là công trình tiêu biểu cho kiến trúc cung đình ở Việt Nam, đồng thời là một trong những biểu tượng nổi bật nhất của Cố đô Huế.

Bài 5

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	A	B	C	A	A

Câu 7. Học sinh có thể nêu ý kiến hoặc đề xuất ý tưởng theo hiểu biết và quan điểm cá nhân, nhưng cần có nội dung phù hợp. Ví dụ: giới thiệu, quảng bá những thành tựu văn minh thế giới; kêu gọi cộng đồng chung tay giữ gìn và bảo tồn những thành tựu văn minh thế giới,...

Bài 6

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	B	C	B	C	A	B	B	A	C	A

Câu 13. 1 – C, I; 2 – A, G; 3 – B, D, E, H.

Câu 14. (1) – D; (2) – B; (3) – C; (4) – A.

Câu 15. 1 – C; 2 – B; 3 – D; 4 – A; 5 – G; 6 – E.

Câu 16. Học sinh có thể tìm hiểu và giới thiệu về một trong ba công trình kiến trúc theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp và bám sát gợi ý.
Ví dụ:

Hình 5.1. Quần thể Kim tự tháp Gi-za

- Địa điểm (thành phố/ quốc gia): thành phố Cai-rô, Ai Cập.
- Thời gian xây dựng: khoảng 5 000 năm cách ngày nay.
- Mục đích xây dựng: làm lăng mộ, chôn cất các Pha-ra-ông.
- Giá trị hiện nay: nghệ thuật, du lịch, kinh tế, phục vụ nghiên cứu khoa học,...
- Thông điệp (bảo tồn, phát huy giá trị): trùng tu sửa chữa, bảo vệ môi trường, giáo dục thế hệ trẻ, cơ chế và chính sách du lịch,...

Bài 7

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	B	D	A	C	B	C	B	C	C

Câu 11. 1. Chủ nô; 2. Bình dân; 3. Nô lệ.

Câu 12.

Lĩnh vực	Lịch và thiên văn	Chữ viết	Khoa học	Tôn giáo	Văn học	Nghệ thuật	Thể thao
Thành tựu	Dương lịch.	Chữ La-tinh.	Định lí Pi-ta-go, Lực đẩy Ác-si-mét.	Thiên Chúa giáo.	I-li-át và Ô-đi-xê.	Đền Pác-tê-nông, Đấu trường Cô-li-dê, Tượng lực sĩ ném đĩa.	Đại hội thể thao Ô-lim-píc.

Câu 13. 1 – B; 2 – A; 3 – D; 4 – C; 5 – G; 6 – E.

Câu 14. 1 – A, E; 2 – G; 3 – I; 4 – B; 5 – C; 6 – D.

Câu 15. Học sinh có thể tìm hiểu và giới thiệu một công trình cụ thể theo những cách khác nhau, nhưng nội dung cần phù hợp và bám sát gợi ý. Ví dụ:

Hình 7.1. Đền Pác-tê-nông (Hy Lạp)

- Thời gian xây dựng: thế kỉ V TCN.
- Địa điểm: A-ten (Hy Lạp).
- Chức năng: thờ thần A-tê-na.
- Đặc điểm kiến trúc: nguyên liệu bằng đá cẩm thạch trắng, kiểu cột Đô-rích, trong đền có nhiều bức tượng bằng ngà và vàng.
- Ý nghĩa: là đỉnh cao của nghệ thuật và là biểu tượng của văn minh Hy Lạp thời kì cổ đại, được đánh giá là một trong những công trình kiến trúc đẹp nhất và mẫu mực nhất trong lịch sử kiến trúc thế giới.

Câu 16.

- a) Các cụm từ: góp phần cống hiến to lớn vào sự phát triển khoa học của nhân loại; là một cuộc cách mạng trong lĩnh vực tư tưởng; xây dựng thế giới quan duy vật tiến bộ.
- b) Ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng
- Lên án, châm biếm Giáo hội Thiên Chúa giáo đương thời.
 - Đề cao giá trị con người và quyền tự do cá nhân.
 - Đề cao chủ nghĩa duy vật, khoa học, tiến bộ.
 - Là tinh thần nhân văn và tiến bộ trong tư tưởng, văn học; là sự sáng tạo trong khoa học; là chủ nghĩa hiện thực trong nghệ thuật.
 - Là cầu nối từ văn hoá phong kiến sang văn hoá tư sản, khởi đầu của văn minh Tây Âu thời cận đại.

Bài 8

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	B	B	C	C	B	A	C	A	A

Câu 11. 1 – D ; 2 – A; 3 – C; 4 – B; 5 – E.

Câu 12. (1) – B; (2) – E; (3) – C; (4) – G; (5) – A; (6) – D.

Câu 13. Học sinh có thể lựa chọn tìm hiểu và giới thiệu về một nhà khoa học cụ thể theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp. Dưới đây là gợi ý:

- Một nhà khoa học tiêu biểu thuộc cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất hoặc lần thứ hai.
- Hồ sơ gồm tranh/ ảnh nhân vật, ghi rõ họ tên, năm sinh, năm mất, quốc tịch. Đặc biệt là cần nêu được công lao/ phát minh của nhà khoa học và vai trò,

ý nghĩa của công lao/ phát minh đó.

– Có thể nêu cảm nhận cá nhân ngắn gọn về nhà khoa học.

Câu 14. – Hình ảnh phản ánh tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với xã hội. Đó là sự hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản là tư sản và vô sản. Giai cấp tư sản bóc lột kiệt sức lao động của giai cấp vô sản.

– *Suy nghĩ*: Học sinh có thể nêu suy nghĩ theo quan điểm cá nhân, nhưng cần có nội dung phù hợp. Ví dụ: giai cấp tư sản giàu có, sung sướng nhờ sự bóc lột sức lao động của giai cấp vô sản; giai cấp vô sản bị bóc lột sống khổ cực; mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản xuất hiện và ngày càng gay gắt,...

Bài 9

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án	C	C	C	C	C	D	C	C	A	B	C	D	A	A	A

Câu 16. Hình 9.1. Wifi; Hình 9.2. Nhựa, cao su; Hình 9.3. Vệ tinh nhân tạo; Hình 9.4. Điện toán đám mây; Hình 9.5. Trí tuệ nhân tạo (AI); Hình 9.6. Bản đồ gen người.

Câu 17.

a) (1) – B; (2) – E; (3) – A; (4) – D; (5) – C; (6) – G.

b) *Kết luận*: Học sinh có thể rút ra kết luận theo những cách khác nhau, nhưng phải phù hợp với nội dung đoạn tư liệu. Ví dụ: máy tính cá nhân có tác dụng tích cực đối với cuộc sống con người và lao động sản xuất,...

Câu 18. Học sinh có thể trả lời theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp và thuyết phục. Ví dụ:

- Phát triển kỹ năng công nghệ thông tin.
- Tìm kiếm nguồn thông tin trên internet để giải quyết nhiệm vụ học tập.
- Biết cảnh giác, phòng chống mặt trái của internet như thông tin giả, độc hại,...
- Sử dụng internet với thời gian phù hợp, không lạm dụng internet,...

Bài 10

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Đáp án	A	B	C	D	B	D	A	B	C	A	B

Câu 12.

Văn hoá Trung Hoa	Văn hoá Ấn Độ
Các hình 10.2, 10.4, 10.6	Các hình 10.1, 10.3, 10.5

Câu 13. Học sinh có thể lí giải theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp và thuyết phục. Ví dụ:

- Tôn giáo: Nho giáo, Đạo giáo và các học thuyết tư tưởng, đặc biệt là Nho giáo, có tác động lớn tới tư tưởng cai trị đất nước của nhiều nhà nước quân chủ, tiêu biểu là Việt Nam.
- Ngôn ngữ: Chữ Hán là chữ viết được sử dụng chính thức ở Việt Nam trong một thời gian dài.
- Văn học: văn học Trung Hoa có ảnh hưởng sâu sắc tới thể loại, chủ đề,... của văn học Đông Nam Á.
- Nghệ thuật: nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, nghệ thuật biểu diễn Đông Nam Á chịu ảnh hưởng từ văn hoá Trung Hoa về chủ đề, phong cách, hình thức,...
- Tổ chức bộ máy nhà nước: thể chế nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền của Trung Hoa đã tác động đến mô hình nhà nước ở một số nước Đông Nam Á.

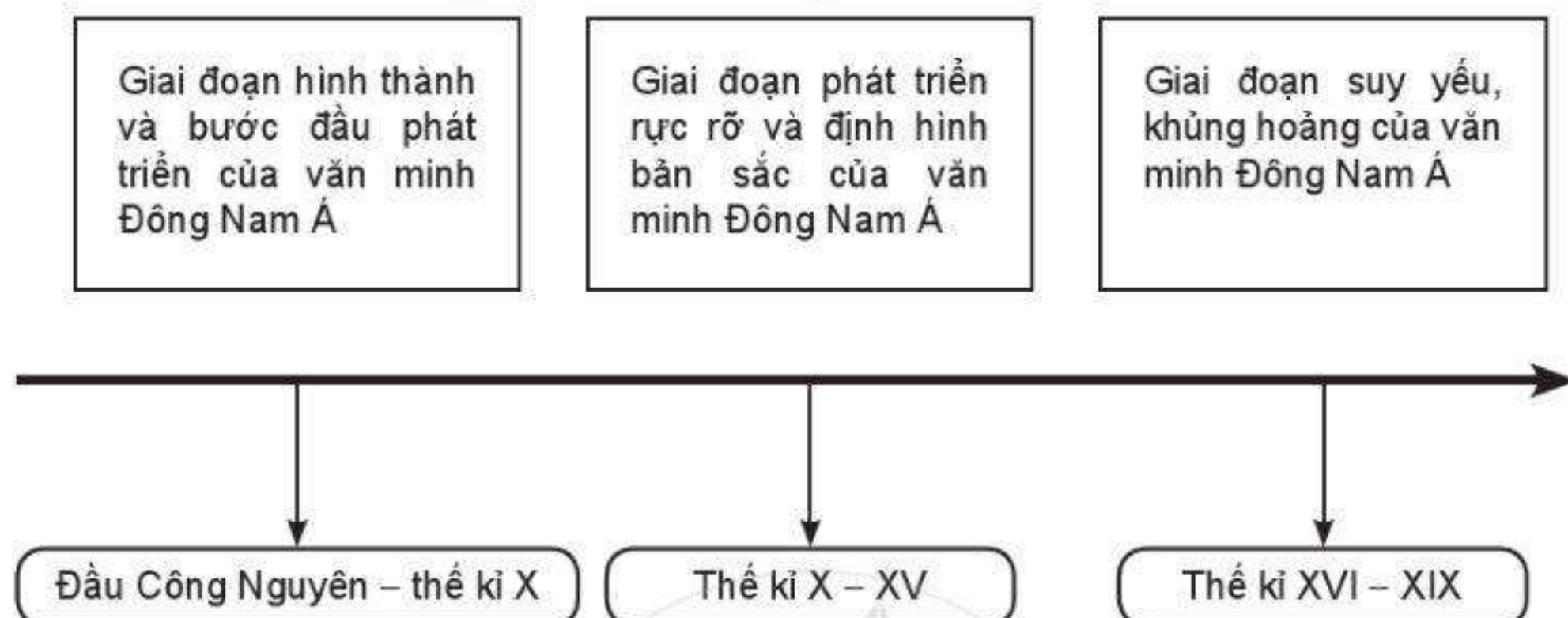
Câu 14.

What (Cái gì?)	Who (Ai?)	Where (Ở đâu?)	Why (Tại sao?)	When (Khi nào?)
Ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ tới Đông Nam Á thể hiện trên những lĩnh vực nào?	Ai đã đưa văn hoá Ấn Độ tới Đông Nam Á?	Ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ tới Đông Nam Á thể hiện đậm nét tại những nước nào?	Tại sao văn hoá Ấn Độ được cư dân Đông Nam Á đón nhận?	Văn hoá Ấn Độ được truyền bá đến Đông Nam Á vào thời gian nào?
Chữ viết, văn học, tôn giáo, nghệ thuật,...	Thương nhân và các nhà truyền giáo.	Phù Nam, Chăm-pa, Cam-pu-chia, Lào, In-đô-nê-xi-a, Ma-lay-xi-a.	Vì có nhiều nét tương đồng với văn hoá bản địa; các vương triều ở Đông Nam Á có chính sách tạo điều kiện cho văn hoá Ấn Độ phát triển.	Trong những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên.

Bài 11

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Đáp án	A	A	C	B	B	A	C	D	C	B	A

Câu 12. Thể hiện nội dung cơ bản của các giai đoạn phát triển văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại trên trục thời gian:



Câu 13.

Know (Biết gì?)	Want (Muốn biết gì?)	Learn (Học được gì?)	How (Tìm hiểu thêm ở đâu?)
Em biết gì về tín ngưỡng, tôn giáo Đông Nam Á?	Em muốn biết gì về các tín ngưỡng, tôn giáo chủ yếu ở Đông Nam Á?	Em đã học được gì về tín ngưỡng, tôn giáo Đông Nam Á?	Em có thể tìm hiểu thêm về tín ngưỡng, tôn giáo Đông Nam Á ở đâu?
Học sinh có thể liên hệ với Đông Nam Á hiện tại và nêu tên các tín ngưỡng đã biết như thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần sông, thần núi,... và tên các tôn giáo phổ biến như Phật giáo, Hồi giáo,...	Học sinh có thể nêu mong muốn được biết thêm về các tín ngưỡng, tôn giáo chủ yếu khác ở Đông Nam Á.	Học sinh khái quát kiến thức sau khi học xong bài như cư dân Đông Nam Á có nhiều tín ngưỡng chung như thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần thiên nhiên, thờ thần động vật,... Đông Nam Á là nơi hội tụ các tôn giáo lớn của thế giới là Phật giáo, Hin-đu giáo, Hồi giáo và Thiên Chúa giáo.	Học sinh nêu các nguồn tham khảo để tiếp tục tìm hiểu về tín ngưỡng, tôn giáo ở Đông Nam Á như đọc sách, tra cứu thông tin qua internet, tìm hiểu trong thực tế đời sống,...

Câu 14. 1 – B; 2 – D; 3 – E; 4 – C; 5 – A; 6 – H; 7 – L; 8 – K; 9 – G; 10 – I.

Câu 15. Học sinh có thể lựa chọn tìm hiểu và giới thiệu về một trong hai công trình theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp và bám sát gợi ý. Ví dụ:

* Tượng thần ở đền Bay-on (Cam-pu-chia)

– Thời gian xây dựng: cuối thế kỉ XII, thời vua Giay-a-vác-man VII.

– Địa điểm: nằm ở trung tâm Quần thể Ăng-co Thom.

– Đặc điểm: chịu ảnh hưởng nghệ thuật kiến trúc Phật giáo và Hin-đu giáo, chạm khắc bằng đá, bốn mặt nhìn bốn hướng.

– Giá trị: là một trong những di tích thu hút du khách hàng đầu ở Cam-pu-chia.

Câu 16. Ví dụ về các công trình nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại chịu ảnh hưởng của Phật giáo, Hin-đu giáo, Thiên Chúa giáo:

– Phật giáo: Thành cổ Pa-gan (Mi-an-ma), chùa Một Cột (Việt Nam),...

– Hin-đu giáo: Di tích Trà Kiệu (Việt Nam), đền Ăng-co Vát (Cam-pu-chia),...

– Thiên Chúa giáo: Nhà thờ đá Phát Diệm (Việt Nam), thánh đường Ma-gien-lăng (Phi-lip-pin),...

Bài 12

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	A	D	D	A	B	A	D

Câu 8. (1) – G; (2) – E; (3) – B; (4) – D; (5) – A; (6) – C.

Câu 9.

– Hình 12. Hình ảnh lễ hội Đền Hùng (Phú Thọ)

– Học sinh có thể tìm hiểu và giới thiệu về lễ hội Đền Hùng theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp. Cần nêu được thời gian và địa điểm tổ chức, các hoạt động chính của lễ hội, ý nghĩa và giá trị của lễ hội,...

Câu 10. Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn được gọi là nền văn minh sông Hồng do nền văn minh này hình thành và phát triển chủ yếu ở lưu vực sông Hồng.

Bài 13

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	A	B	C	A	A	D	B

Câu 8. (1) – B; (2) – C; (3) – D; (4) – E; (5) – G; (6) – H; (7) – A.

Câu 9. a) 1 – C; 2 – D; 3 – B; 4 – A.

b) Nhận xét:

- Có sự phân cấp giữa chính quyền trung ương và địa phương.
- Có thêm bộ phận tôn quan, là trung gian giữa nhà vua với các quan văn, quan võ.

Câu 10.

Thành tựu	Văn minh Chăm-pa	Văn minh Phù Nam
Đời sống vật chất		
Ăn	Gạo nếp, gạo tẻ là nguồn lương thực chính,...	Lúa gạo, rau, củ, quả, gia súc, gia cầm, thủy hải sản.
Mặc	Trang phục: nam, nữ quần ngang tấm vải từ lưng trở xuống, tai đeo trang sức.	Mặc áo chui đầu, dùng vải quần làm váy. Người dân thích đeo đồ trang sức.
Ở	Vua ở trong lầu cao, dân ở nhà sàn bằng gỗ,...	Ở nhà sàn bằng gỗ, đi lại bằng thuyền, bè,...
Đời sống tinh thần		
Chữ viết	Chữ viết Chăm-pa ra đời trên cơ sở chữ Phạn.	Chữ Hán, chữ Phạn.
Văn học	Văn học dân gian và văn học viết cùng song hành.	
Tín ngưỡng	Thờ cúng tổ tiên, chôn người chết trong mộ chum. Sùng bái các vị thần Hin-đú giáo, Phật giáo.	Hin-đú giáo và Phật giáo được tôn sùng. Tín ngưỡng sùng bái núi thiêng,...

Câu 11.

Lĩnh vực	Biểu hiện
Chữ viết	Tiếp thu, cải biến chữ Phạn
Tín ngưỡng, tôn giáo	Chịu ảnh hưởng của Hin-đú giáo, Phật giáo

Câu 12. Học sinh có thể tìm hiểu và giới thiệu về Quần thể tháp Bánh Ít theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp và bám sát gợi ý. Ví dụ:

- Địa điểm: thôn Đại Lộc, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Thời gian: khoảng thế kỉ X,...

Câu 13. Học sinh có thể tìm hiểu và giới thiệu về hai nền văn hoá Sa Huỳnh và Óc Eo theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp và bám sát gợi ý. Ví dụ:

- Năm phát hiện: văn hoá Sa Huỳnh – năm 1909, văn hoá Óc Eo – năm 1944.
- Niên đại: văn hoá Sa Huỳnh khoảng 3 000 năm cách ngày nay đến thế kỉ I, văn hoá Óc Eo khoảng từ thế kỉ I đến thế kỉ VII.

Bài 14

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	B	A	B	B	A	C	C

Câu 8. (1) – C; (2) – B; (3) – E; (4) – A; (5) – D.

Câu 9.

a) Hoàn thành sơ đồ:



- b) Trình bày sự phát triển của nền văn minh Đại Việt thế kỉ XV – thế kỉ XVII.
- Thời kì này gắn liền với các vương triều Lê sơ, Mạc, Lê Trung hưng.
 - Văn minh Đại Việt tiếp tục phát triển và đạt nhiều thành tựu đặc sắc:
 - + Nho giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ.
 - + Giáo dục, khoa cử có vai trò to lớn trong đời sống chính trị, văn hoá.
 - + Văn hoá phương Tây bắt đầu du nhập,...

Bài 15

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	C	A	A	A	C	D	A

Câu 8. Học sinh cần lập bảng thể hiện một số sự kiện tiêu biểu như:

Năm	Một số sự kiện tiêu biểu
1070	Nhà Lý cho dựng Văn Miếu, tạc tượng Chu Công, Khổng Tử.
1075	Nhà Lý mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn nhân tài.
1076	Vua Lý cho mở Quốc Tử Giám để dạy học cho hoàng tử, công chúa.
1247	Nhà Trần đặt danh hiệu Tam khôi dành cho những người đỗ đầu trong kì thi Đình.
1484	Nhà Lê sơ đặt lệ xướng danh và khắc tên các tiến sĩ vào bia đá ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám.
...	

Câu 9.

1. Chính trị:

- Tổ chức bộ máy nhà nước: hoàn thiện dần từ trung ương đến địa phương,...
- Luật pháp thành văn trở thành công cụ để tổ chức, quản lí xã hội và bảo vệ giai cấp thống trị, an ninh quốc gia, bảo vệ sản xuất,...

2. Kinh tế:

- Nông nghiệp: nhà nước thực hiện nhiều chính sách thúc đẩy sản xuất,...
- Thủ công nghiệp dân gian và thủ công nghiệp nhà nước phát triển, với nhiều ngành nghề, sản phẩm.
- Thương nghiệp: nội thương và ngoại thương phát triển, xuất hiện nhiều chợ, trung tâm buôn bán,...

3. Tư tưởng, tôn giáo:

- Tư tưởng chủ đạo: yêu nước, thân dân,...
- Phật giáo: phát triển mạnh dưới thời Lý, Trần.
- Nho giáo: trở thành hệ tư tưởng chính thống của nhà nước Đại Việt.

4. Giáo dục, thi cử:

- Hệ thống trường học được xây dựng và ngày càng mở rộng,...
- Thi cử ngày càng quy củ, chặt chẽ, đặc biệt là dưới thời Lê sơ,...

Câu 10. Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp. Ví dụ: đoạn tư liệu cho thấy chính sách trọng nông dưới thời Lý, cho thấy mối quan hệ giữa vua với quan lại và dân chúng còn khá gần gũi,...

Câu 11.

Nội dung	Văn học chữ Hán	Văn học chữ Nôm
Tác giả nổi bật	Nguyễn Trãi,...	Nguyễn Du,...
Tác phẩm nổi bật	<i>Bình Ngô đại cáo</i> ,...	<i>Truyện Kiều</i> ,...
Nội dung chủ yếu	Thể hiện tinh thần yêu nước,...	Phản ánh những bất công trong xã hội,...

Câu 12. Học sinh có thể tìm hiểu và giới thiệu những nét chính về chùa Một Cột theo những cách khác nhau, nhưng nội dung cần phù hợp và bám sát gợi ý. Ví dụ:

- Địa điểm: quận Ba Đình (Hà Nội).
- Thời gian xây dựng lần đầu: năm 1049, thời Lý.
- Giá trị: là công trình kiến trúc Phật giáo tiêu biểu của Việt Nam; biểu hiện cho sự phát triển của Phật giáo.
- Thông điệp: giữ gìn, phát huy nét đẹp của triết lý đạo Phật,...

Câu 13. Học sinh có thể tự chọn và trình bày về một thành tựu tiêu biểu cụ thể theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung đúng và phù hợp.

Gợi ý: cần nêu được bối cảnh xuất hiện, biểu hiện, đặc điểm, vai trò, tác động, ý nghĩa, thông điệp, ... của thành tựu đó.

Bài 16

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	C	C	C	A

Câu 7. 1 – A, E, I; 2 – D, M; 3 – G, K; 4 – H, L; 5 – B, C.

Câu 8. 1 – D; 2 – A; 3 – H; 4 – B; 5 – C; 6 – E; 7 – G.

Câu 9.

Lĩnh vực	Biểu hiện
Đời sống vật chất	– Ăn: cơm tẻ, nước chè, canh, rau,... – Mặc: trang phục truyền thống mang nét đặc trưng của mỗi dân tộc. – Ở: nhà trệt, nhà sàn,... – Phương tiện đi lại: ngựa, xe ngựa, xe kéo tay, thuyền, bè, mảng,...
Đời sống tinh thần	– Tín ngưỡng: thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên,... – Tôn giáo: Phật giáo, Đạo giáo, Hin-đú giáo, Hồi giáo, Công giáo,... – Phong tục: ăn trầu, nhuộm răng, xăm mình, ... của người Kinh; chế độ mẫu hệ của người Ê-đê, Ba Na,... – Lễ hội: Tết Nguyên đán, Rằm tháng Giêng, tết Thanh minh, tết Đoan Ngọ, ... của người Kinh,... – Nghệ thuật: múa rối nước, chèo, tuồng, ca trù, hát Xoan,...

Câu 10. Học sinh có thể lựa chọn một dân tộc cụ thể ở Việt Nam và có những cách giới thiệu khác nhau, nhưng cần có nội dung đúng và bám sát gợi ý. Ví dụ:

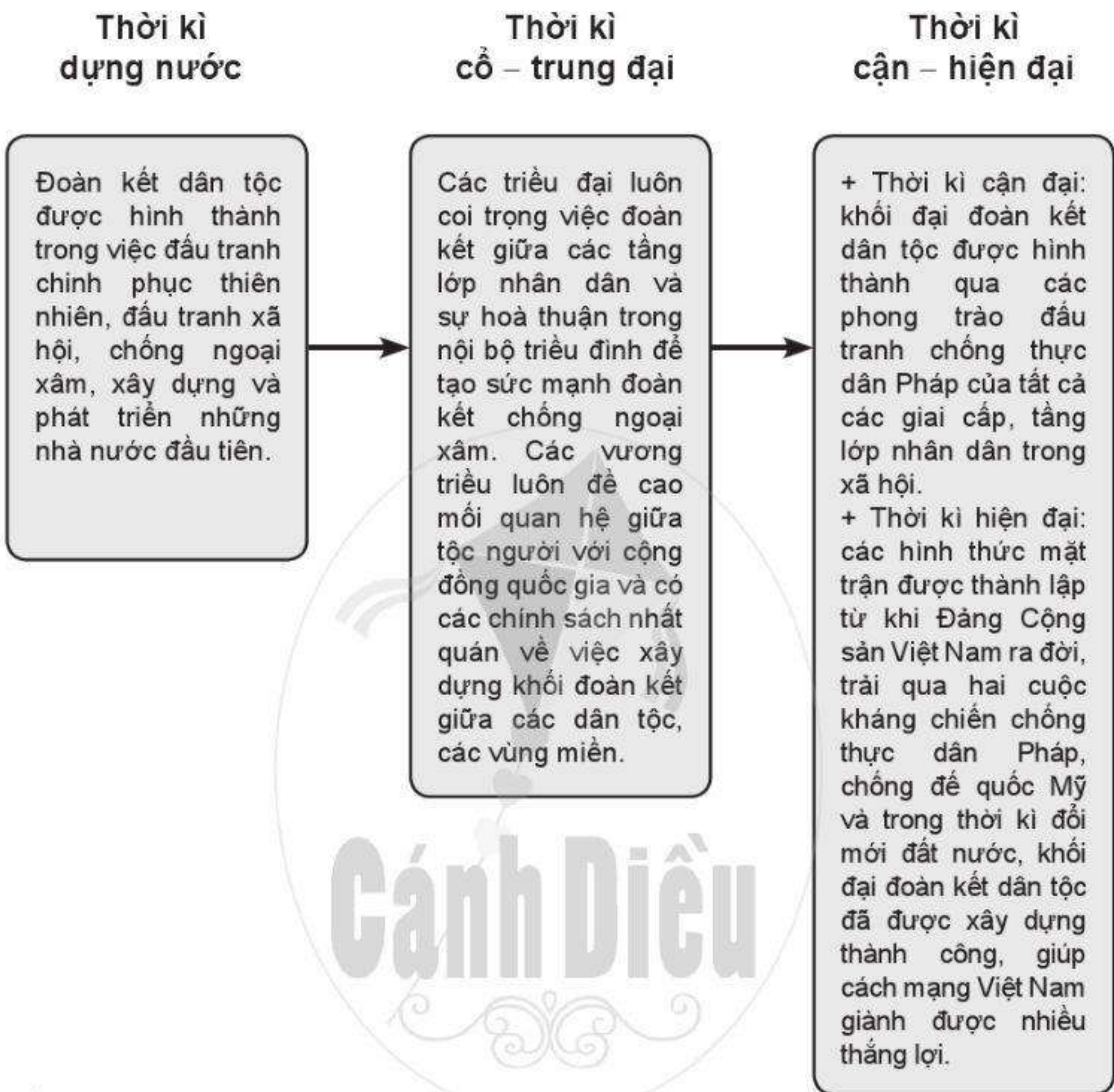
Dân tộc Thái:

- Số dân: 1 820 950 người (số liệu năm 2019).
- Ngữ hệ: Thái – Ka Dai.
- Nhóm ngôn ngữ: Tày – Thái.
- Địa bàn cư trú: các tỉnh Tây Bắc Việt Nam như: Hoà Bình, Sơn La, Lai Châu,...
- Nét truyền thống: về cư trú, trang phục, ẩm thực, lễ hội,...

Bài 17

Câu	1	2	3	4
Đáp án	C	C	A	C

Câu 5.



Câu 6.

- a) (1) – B; (2) – C; (3) – D; (4) – A.
- b) Liên hệ với những sự kiện đã và đang diễn ra trên thế giới và trong nước để khẳng định Việt Nam cần phát huy khối đại đoàn kết dân tộc. Ví dụ: vấn đề toàn cầu hoá, biến đổi khí hậu, đại dịch Covid-19,... Nêu lên tính hiệu quả trong việc đoàn kết cộng đồng chống lại tác động tiêu cực từ những vấn đề đó.

Câu 7.

- Viết ra ba thông tin cơ bản về Mặt trận Việt Minh: Học sinh có thể lựa chọn ba trong số các thông tin về Mặt trận Việt Minh theo hiểu biết của bản thân. Ví dụ: thời gian thành lập, mục đích thành lập, ý nghĩa tên gọi, 10 chính sách lớn,...

– Điểm tiến bộ trong những chính sách của Việt Minh: Học sinh trình bày quan điểm cá nhân, trong đó chỉ ra được một số điểm tiến bộ cơ bản trong các chính sách của Việt Minh như: tuyên bố các quyền cơ bản của nhân dân, chia ruộng đất cho dân nghèo, ban bố luật lao động ngày làm 8 giờ, xây dựng nền kinh tế quốc dân, phát triển nông nghiệp, mở mang ngân hàng,...

– Đánh giá tính hiệu quả của những chính sách này trong thực tế cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam: Những chính sách của Việt Minh đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân thực hiện từng bước trong tiến trình cách mạng và sau khi giành được chính quyền.

Câu 8.

– Những nội dung cơ bản của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc: về phát triển kinh tế, về xã hội, về quốc phòng – an ninh,...

– Phân tích một chính sách cụ thể. Ví dụ: chính sách về phát triển kinh tế vùng các dân tộc thiểu số hướng đến phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng đồng bào các dân tộc, gắn với kế hoạch phát triển chung của cả nước, đưa vùng đồng bào các dân tộc thiểu số tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Câu 9. – Học sinh thể hiện được ý kiến cá nhân của mình, trong đó cần trình bày được ý nghĩa của sự kiện họp Hội nghị Diên Hồng trong lịch sử: là hội nghị đoàn kết toàn dân tộc.

– Việc đặt tên như vậy cho một phòng họp chính của cơ quan cao nhất đại diện cho tiếng nói của toàn dân là một hình thức khắc sâu ý nghĩa của đại đoàn kết dân tộc trong mọi hoàn cảnh,...

Câu 10. Học sinh có thể nêu những việc như: ủng hộ, tham gia các hoạt động xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc; không có lời nói và những hành vi gây chia rẽ đoàn kết dân tộc; tìm hiểu về phong tục, tập quán của các dân tộc,...

Câu 11. Học sinh có thể tìm kiếm và lựa chọn những câu nói/ viết khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp. Ví dụ:

– “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây”.

– “Không đoàn kết thì suy và mất. Có đoàn kết thì thịnh và còn. Chúng ta phải lấy đoàn kết mà xoay vần vận mệnh, giữ gìn dân tộc và bảo vệ nước nhà”.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Phần I: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP	4
Chủ đề 1: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC	4
Bài 1: Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử	4
Bài 2: Tri thức lịch sử và cuộc sống	7
Chủ đề 2: VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC	9
Bài 3: Sử học với các lĩnh vực khoa học khác	9
Bài 4: Sử học với một số lĩnh vực, ngành nghề hiện đại	12
Chủ đề 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ – TRUNG ĐẠI	14
Bài 5: Khái niệm văn minh	14
Bài 6: Một số nền văn minh phương Đông	15
Bài 7: Một số nền văn minh phương Tây	19
Chủ đề 4: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI	23
Bài 8: Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại	23
Bài 9: Cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại	26
Chủ đề 5: VĂN MINH ĐÔNG NAM Á	29
Bài 10: Cơ sở hình thành văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại	29
Bài 11: Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại	32

Chủ đề 6: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)	35
Bài 12: Văn minh Văn Lang – Âu Lạc	35
Bài 13: Văn minh Chăm-pa, văn minh Phù Nam	37
Bài 14: Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt	40
Bài 15: Một số thành tựu của văn minh Đại Việt	42
Chủ đề 7: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM	45
Bài 16: Các dân tộc trên đất nước Việt Nam	45
Bài 17: Khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam	47
Phần II: ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI	50

Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37547735

Email: nxb@hnue.edu.vn | Website: www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập:

HOÀNG THỊ QUYÊN

Thiết kế sách:

NGUYỄN NGỌC NAM

Trình bày bìa:

TRẦN TIỂU LÂM – NGUYỄN NGỌC NAM

Sửa bản in:

TRẦN THỊ NGÂN

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả!

BÀI TẬP LỊCH SỬ 10

Mã số:

In, khổ 17 x 24cm tại

Địa chỉ:

Số xác nhận ĐKXB:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.

Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 Cánh Diều

I. MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BẮT BUỘC

1	Ngữ văn 10 (Tập một, Tập hai)
2	Toán 10 (Tập một, Tập hai)
3	Giáo dục thể chất 10 - Bóng đá
	Giáo dục thể chất 10 - Bóng rổ
	Giáo dục thể chất 10 - Cầu lông
	Giáo dục thể chất 10 - Đá cầu
4	Giáo dục quốc phòng và an ninh 10
5	Tiếng Anh 10 Explore New Worlds
6	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10

II. MÔN HỌC LỰA CHỌN

1. Nhóm môn khoa học xã hội

1	Lịch sử 10
2	Địa lí 10
3	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10

2. Nhóm môn khoa học tự nhiên

1	Vật lí 10
2	Hóa học 10
3	Sinh học 10

3. Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật

1	Công nghệ 10 - Công nghệ trồng trọt
	Công nghệ 10 - Thiết kế và công nghệ
2	Tin học 10
3	Âm nhạc 10

III. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỰA CHỌN

1	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10
2	Chuyên đề học tập Toán 10
3	Chuyên đề học tập Lịch sử 10
4	Chuyên đề học tập Địa lí 10
5	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10
6	Chuyên đề học tập Vật lí 10
7	Chuyên đề học tập Hóa học 10
8	Chuyên đề học tập Sinh học 10
9	Chuyên đề học tập Công nghệ 10 - Công nghệ trồng trọt
	Chuyên đề học tập Công nghệ 10 - Thiết kế và công nghệ
10	Chuyên đề học tập Tin học 10 - Khoa học máy tính
	Chuyên đề học tập Tin học 10 - Tin học ứng dụng
11	Chuyên đề học tập Âm nhạc 10

TÌM ĐỌC: CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 10 (Cánh Diều) THEO TỪNG MÔN HỌC


SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ

Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập
website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com

ISBN: 978-604-373-022-7



9 786043 730227